

BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG

18/05/2026 – 22/05/2026

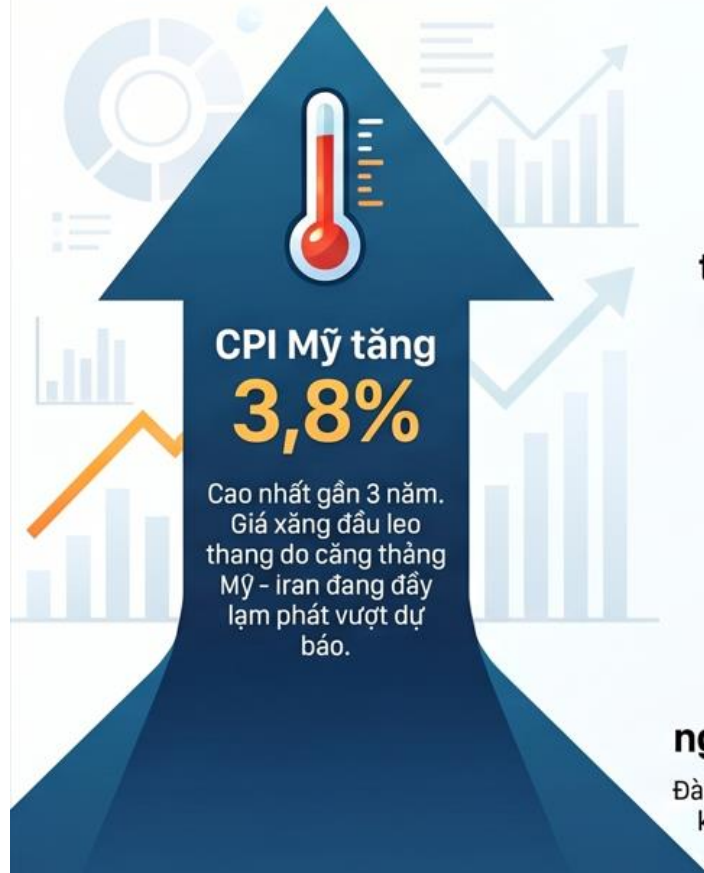
Khởi Nghiên cứu



Trụ sở CTCP Chứng khoán MB
Tòa nhà MB, 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội
Tel: +84 24 7304 5688 | Fax: +84 24 3726 2601
Web: www.mbs.com.vn

Báo Cáo Chiến Lược Thị Trường Tuần 18/05/2026: Rủi Ro Lạm Phát & Áp Lực Vùng Đỉnh

Áp Lực Vĩ Mô Toàn Cầu



Làn sóng bán tháo trái phiếu Chính phủ

Lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ kỳ hạn 30 năm chạm mức **5,12%** cao nhất trong nhiều năm



Giá dầu Brent vượt ngưỡng 100 USD/thùng

Đà tăng mạnh của giá dầu gây áp lực khiến các ngân hàng trung ương duy trì lãi suất cao.

Thị Trường Trong Nước & Chiến Lược Giao Dịch



Khối ngoại bán ròng 9 tuần liên tiếp

Lũy kế từ đầu năm, nhà đầu tư nước ngoài đã bán ròng hơn **53.600 tỷ đồng**.



Chiến lược: Chủ động chốt và tăng tỷ trọng tiền mặt

Ưu tiên bảo vệ lợi nhuận và chờ đợi nhịp điều chỉnh về vùng giá hấp dẫn hơn.



VN-Index lập đỉnh 1.921 điểm nhưng thiếu đồng thuận

Đà tăng chủ yếu nhờ nhóm Dầu khí, trong khi độ rộng thị trường đang thu hẹp đáng kể.

| Chỉ số | Trạng thái chốt tuần | Biến động tuần (%) |
|------------|---------------------------|--------------------|
| VN-Index | 1.921,16 điểm | +0,33% |
| Dow Jones | < 50.000 điểm | -0,2% |
| Nikkei 225 | Giảm mạnh phiên cuối tuần | -2,1% |

Triển vọng lãi suất gây áp lực giảm giá trên thị trường cổ phiếu

- **Chứng khoán toàn cầu** không giữ được mức cao mới khi Hội nghị thượng đỉnh Mỹ - Trung không đạt nhiều kết quả đột phá, lạm phát tại Mỹ cao nhất 3 năm, thị trường trái phiếu chính phủ toàn cầu đang trải qua một đợt bán tháo, v.v...
- **Ở thị trường Mỹ**, chỉ số S&P 500 dễ mất ngưỡng 7.500 điểm, giảm -93 điểm trong phiên cuối tuần, đánh dấu phiên giảm mạnh nhất kể từ cuối tháng 3/26. Chỉ số Dow Jones cũng dễ mất ngưỡng 50.000 điểm, giảm -537 điểm ở phiên cuối tuần qua. Chốt tuần, Dow Jones giảm nhẹ -0,2% trong khi S&P 500 vẫn giữ được thành quả, tăng nhẹ +0,1%.
- **Ở Châu Á**, các thị trường lớn cũng giảm mạnh ở phiên cuối tuần, trong đó Kospi của Hàn Quốc giảm -6,12%, Nikkei 225 của Nhật Bản giảm gần -2%, thị trường Đài Loan giảm -1,4%, v.v... Chốt tuần, thị trường Hàn Quốc giảm nhẹ -0,1%, Nhật Bản sụt -2,1%, Trung Quốc lùi -1,1%, trong khi Đài Loan vẫn giữ được thành quả tăng nhẹ +0,4%.
- Tuần vừa qua, các diễn biến kinh tế lớn tập trung vào thượng đỉnh Mỹ - Trung, quyết định phê chuẩn chủ tịch Fed tại Thượng viện Mỹ, lạm phát tại Mỹ, thị trường trái phiếu toàn cầu bị bán tháo. Ngày 15/5, Tổng thống Mỹ Donald Trump rời Bắc Kinh sau chuyến thăm cấp nhà nước hai ngày tới Trung Quốc nhưng không đạt nhiều kết quả đột phá. Ngày 13/5, Thượng viện Mỹ đã phê chuẩn ông Kevin Warsh làm chủ tịch Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed). Cuộc họp tháng 6 sẽ là phép thử đầu tiên, khi Fed phải cân nhắc giữa nguy cơ lạm phát kéo dài và áp lực chính trị ngày càng lớn từ Nhà Trắng. Theo Bộ Lao động Mỹ, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 4 tại nước này tăng 3,8% so với cùng kỳ năm trước, mức cao nhất gần 3 năm, chủ yếu do giá xăng dầu leo thang vì chiến tranh Mỹ - Iran. **Thị trường trái phiếu toàn cầu đang trải qua một đợt bán tháo mạnh mẽ khi nỗi lo về lạm phát kéo dài.** Đặc biệt, lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ kỳ hạn 30 năm đã kết thúc tuần này ở mức 5,12%, cao nhất kể từ ngày 22/5/2025 và gần mức cao nhất kể từ tháng 10/2023.
- **Trên thị trường hàng hóa:** Giá vàng giao ngay giảm hơn 3,7%, dễ mất đồng thời cả hai mốc chủ chốt là 4.700 USD/oz và 4.600 USD/oz. Mức giá chốt tuần

của vàng giao ngay là thấp nhất trong hơn 1 tuần. Đây là tuần giảm thứ ba của giá vàng trong vòng 4 tuần trở lại đây. Giá dầu Brent tăng +7,9%, dầu WTI tăng +10,5%. Chỉ số Dollar Index chốt tuần tăng 1,5%, đạt 99,27 điểm.

Đối với thị trường trong nước: Chỉ số Vn-Index tiếp tục lập kỷ lục mới sau 8 tuần tăng liên tiếp, tương đương với chuỗi tăng ở quý 1/2025. Chốt tuần, Vn-Index dừng ở 1.921,16 điểm, tăng +6,2 điểm (+0,33%) nhờ sự hỗ trợ từ nhóm cổ phiếu Dầu khí (+15 điểm), trong đó: GAS (+7,5 điểm), BSR (+6,2 điểm). Cả tuần, chỉ số VN30 giảm -1,1%, đứt mạch tăng 7 tuần liên tiếp, Midcap tăng +0,2%, trong khi Smallcap giảm sang tuần thứ 5 liên tiếp.

Độ rộng thị trường duy trì ở ngưỡng 50% số nhóm cổ phiếu tăng giá, trong 5 tuần gần đây, tỷ lệ nhóm tăng giá chỉ đạt mức bình quân 43%. Một số nhóm cổ phiếu nổi bật như: Dầu khí (+18%), Cao su tự nhiên (+5,5%), BĐS KCN (+3,2%),... trong khi nhóm cổ phiếu giảm mạnh gồm: Bán lẻ (-3,7%), VLXD (-2,3%), Hàng không (-2%), v.v... Với 8 tuần tăng liên tiếp, chỉ số Vn-Index liên tục lập đỉnh cao mới, tuy vậy loại trừ nhóm Vingroup, Vn-Index vẫn đang thấp hơn ngưỡng 1.800 điểm.

Thanh khoản toàn thị trường tuần vừa qua đạt 26.789 tỷ đồng, giảm nhẹ -1,3% so với tuần trước, tuy vậy thanh khoản khớp lệnh vẫn tăng +1,3%, lên 23.300 tỷ đồng. Theo thống kê, thanh khoản toàn thị trường kể từ đầu tháng 5 đạt 26.968 tỷ đồng, tăng nhẹ +2,6% với tháng 4/2026 và tăng +12,2% so với tháng 5/2025. Kể từ đầu năm, thanh khoản toàn thị trường đạt 31.515 tỷ đồng, tăng +9,1% so với mức bình quân năm 2025.

Khối ngoại bán ròng -3.960 tỷ đồng trong tuần vừa qua, đây cũng là tuần bán ròng thứ 9 liên tiếp, theo thống kê kể từ đầu tháng 5 khối ngoại đang bán ròng -8.214 tỷ đồng, lũy kế từ đầu năm khối ngoại bán ròng -53.687 tỷ đồng (~2,1 tỷ USD). Năm 2025, khối ngoại bán ròng kỷ lục với tổng giá trị -135.329 tỷ đồng (~5,2 tỷ USD), đánh dấu năm bán ròng thứ 3 liên tiếp của khối ngoại trong chuỗi bán ròng 5/6 năm vừa qua.

Triển vọng lãi suất gây áp lực giảm giá trên thị trường cổ phiếu













- Trong tuần vừa qua, khối ngoại mua ròng đối với: MSB (+461 tỷ đồng), BSR (+412 tỷ đồng), GEX (+211 tỷ đồng),... trong khi bán ròng đối với: VHM (-1.075 tỷ đồng), FPT (-882 tỷ đồng), ACB (-455 tỷ đồng), ... Tự doanh các công ty chứng khoán mua ròng trong tuần vừa qua đối với các cổ phiếu như: CTG (+59 tỷ đồng), VHM (+56 tỷ đồng),... trong khi bán ròng đối với các cổ phiếu khác như: GEE (-469 tỷ đồng), GEL (-426 tỷ đồng), GEX (-198 tỷ đồng).
- **Nhận định thị trường:** Các thị trường chứng khoán lớn trên thế giới, từ Mỹ cho đến Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan, ... đều điều chỉnh giảm mạnh ở phiên cuối tuần trước và diễn biến này có thể còn tiếp diễn trong tuần tới khi lạm phát đang quay trở lại, hệ quả là thị trường trái phiếu toàn cầu đang trải qua một đợt bán tháo. Xu hướng tăng trên ngưỡng 100 USD/thùng của giá dầu làm gia tăng áp lực lạm phát toàn cầu, dẫn tới khả năng các ngân hàng trung ương giữ lãi suất cao hơn lâu hơn. Theo dự báo hiện tại của thị trường, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) sẽ không hạ lãi suất trong năm 2026, và thậm chí có thể tăng lãi suất vào đầu năm 2027, triển vọng lãi suất như vậy sẽ gây áp lực giảm giá trên thị trường cổ phiếu. Lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ kỳ hạn 30 năm đã kết thúc tuần vừa qua ở mức 5,12%, cao nhất kể từ ngày 22/5/2025 và gần mức cao nhất kể từ tháng 10/2023. Lợi suất trái phiếu kho bạc kỳ hạn 10 năm của Mỹ kết thúc tuần ở ngưỡng 4,59%, mức cao nhất trong gần một năm qua. Tại Nhật Bản, lợi suất trái phiếu kỳ hạn 30 năm lần đầu tiên vượt qua ngưỡng 4% sau khi dữ liệu lạm phát cao hơn dự kiến được công bố trong tuần này. Cùng với đó, lợi suất trái phiếu chính phủ Anh kỳ hạn 30 năm đạt mức cao nhất trong thế kỷ này là 5,85%, do lo ngại về lạm phát kết hợp với sự bất ổn chính trị ở quốc gia này. Một cuộc khảo sát của ngân hàng Bank of America vào ngày thứ Sáu (15/5) cho thấy các nhà quản lý quỹ đang "ngày càng lo lắng về rủi ro lạm phát tăng cao ở Mỹ", với 1/4 số người được hỏi cho rằng Fed là ngân hàng trung ương có khả năng tăng lãi suất nhiều hơn so với dự báo của thị trường - theo Financial Times.
- **Đối với thị trường trong nước:** Chỉ số Vn-Index lập đỉnh cao mới nhưng đã tăng đã chậm lại, trong bối cảnh độ rộng thị trường khá co hẹp, thanh khoản ở mức nền thấp và khối ngoại tiếp tục chuỗi bán ròng khá mạnh. Hiện tại, thị trường vẫn

ở giai đoạn vùng trống thông tin hỗ trợ, cơ hội vẫn khá tập trung và chọn lọc. Chúng tôi vẫn giữ nguyên quan điểm, bức tranh thị trường cho thấy sự thiếu đồng thuận rõ nét, rủi ro điều chỉnh kỹ thuật quanh vùng đỉnh sẽ tăng lên. Với việc lạm phát đang quay trở lại trên thế giới và lạm phát vẫn dai dẳng, thị trường có thể sớm bắt đầu định giá khả năng tăng lãi suất. Bên cạnh đó, độ rộng thị trường suy giảm, dòng tiền tham sẽ tiếp tục thu hẹp và động lượng suy yếu khi chưa đầy 1/3 số cổ phiếu nằm trên đường trung bình 200 ngày dù chỉ số Vn-Index đang ở đỉnh cao mới. Do vậy, chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư nên thận trọng khi theo đuổi các cổ phiếu đã tăng quá mức trong môi trường này. Đây có thể là thời điểm tốt để tài trợ rủi ro bằng cách chốt lời một phần ở những cổ phiếu đã tạo ra lợi nhuận và có thêm dư địa để tham gia trong kịch bản thị trường rơi vào nhịp điều chỉnh.

Về kỹ thuật: Vn-Index lập đỉnh cao mới nhưng với sự lệch pha hiện có, việc tham chiếu chỉ số hầu như không có nhiều ý nghĩa. Trong kịch bản cổ phiếu trụ tiếp tục xoay vòng, Vn-Index hoàn toàn có thể lên vùng đỉnh mới, tuy vậy điều quan trọng lúc này là dòng tiền dương như đã thận trọng hơn, không theo đuổi theo chiều tăng của giá. Sự thiếu đồng thuận giữa các nhóm ngành trong "vùng trống thông tin" là dấu hiệu cảnh báo điều chỉnh ngắn hạn do sự phân kỳ. Khi chỉ số được kéo bởi các trụ đơn lẻ để phục vụ mục đích điều tiết trong khi đa số cổ phiếu bị bán ròng, rủi ro một nhịp điều chỉnh kỹ thuật là tất yếu để đưa định giá về mức cân bằng. Thanh khoản khả năng giảm xuống và mặt bằng cổ phiếu chỉ có thể còn dao động ở vùng 1.800 điểm (nếu loại trừ nhóm Vingroup trong chỉ số Vn-Index).

Chiến lược giao dịch: Chủ động chốt lời từng phần (tài trợ rủi ro) để đưa danh mục về trạng thái an toàn. Duy trì tỷ trọng tiền mặt cao để sẵn sàng giải ngân khi thị trường chiết khấu về vùng giá hấp dẫn. Các nhóm cổ phiếu nên chú ý gồm: Vingroup, Ngân hàng, Logistics, Dầu khí, Chứng khoán, Thực phẩm, Cao su tự nhiên, BĐS dân cư, ...

Lịch sự kiện tháng 5

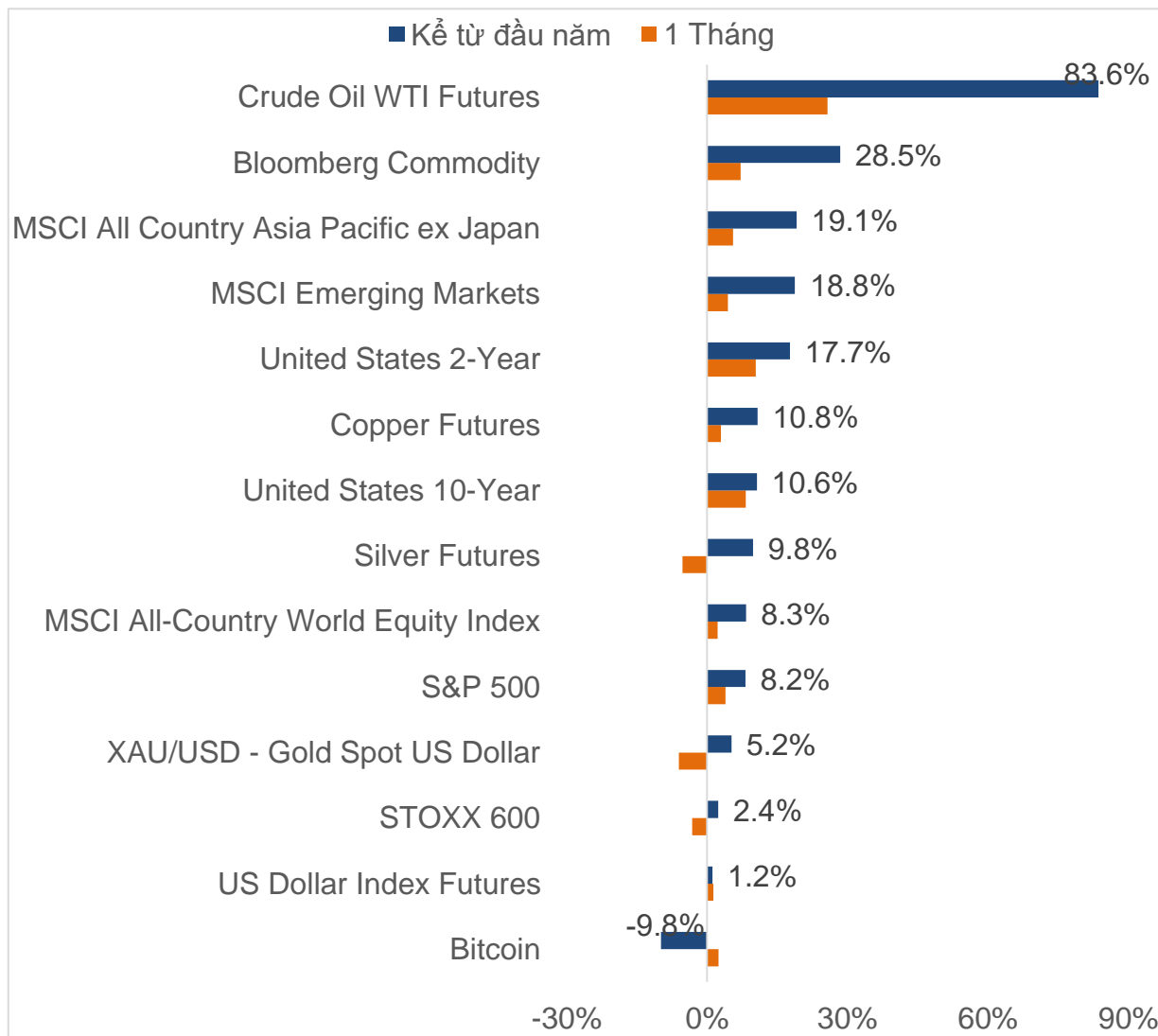
| MON | TUE | WED | THU | FRI | SAT | SUN |
|---|---|---|--|--|-----|-----|
| | | | | 1  Chỉ số PMI sản xuất (tháng 4) | 2 | 3 |
| 4 | 5  <ul style="list-style-type: none"> Cơ hội việc làm của JOLTS (tháng 3) Chỉ số PMI dịch vụ (tháng 4) | 6  Thay đổi việc làm phi nông nghiệp ADP | 7  Đề nghị trợ cấp thất nghiệp lần đầu | 8  Tỷ lệ thất nghiệp (tháng 4) | 9 | 10 |
| 11  Doanh số bán hàng hiện tại (tháng 4) | 12  Chỉ số giá tiêu dùng CPI (tháng 4) | 13  Chỉ số giá sản xuất PPI (tháng 4) | 14   Hội nghị thượng đỉnh Mỹ - Trung | 15   Hội nghị thượng đỉnh Mỹ - Trung | 16 | 17 |
| 18 | 19  Tăng trưởng GDP (Q1) sơ bộ | 20 | 21  Đáo hạn phái sinh | 22 | 23 | 24 |
| 25 | 26  Chỉ số niềm tin người tiêu dùng CB (tháng 5) | 27 | 28  <ul style="list-style-type: none"> Chỉ số giá PCE lõi (tháng 4) GDP (Q1) sơ bộ | 29 | 30 | 31 |

Diễn biến các chỉ số chứng khoán tuần

| Index | Last | 1 Week | 1 Month | YTD | Từ thời điểm xung đột Mỹ - Iran |
|-------------|-----------|--------|---------|--------|---------------------------------|
| Global | 1,099.00 | -0.6% | 2.3% | 8.3% | 4.0% |
| Dow Jones | 49,526.17 | -0.2% | 0.2% | 3.0% | 1.1% |
| S&P 500 | 7,408.50 | 0.1% | 4.0% | 8.2% | 7.7% |
| Europe | 606.92 | -0.9% | -3.1% | 2.4% | -4.2% |
| Japanese | 61,409.29 | -2.1% | 5.0% | 22.0% | 4.3% |
| Korea | 7,493.18 | -0.1% | 21.0% | 77.8% | 20.0% |
| China | 4,135.39 | -1.1% | 2.1% | 4.2% | -0.7% |
| HongKong | 25,962.73 | -1.6% | -0.8% | 1.3% | -2.5% |
| Taiwan | 41,751.75 | 0.4% | 13.4% | 44.2% | 17.9% |
| Indian | 23,643.50 | -2.2% | -2.9% | -9.5% | -6.1% |
| Singapore | 4,989.08 | 1.4% | -0.2% | 7.4% | -0.1% |
| Malaysia | 1,740.22 | -0.5% | 2.7% | 3.6% | 1.4% |
| Indonesia | 6,723.32 | -3.5% | -11.9% | -22.3% | -18.4% |
| Thailand | 1,517.95 | 1.2% | 2.4% | 20.5% | -0.7% |
| Philippine | 5,976.77 | 0.3% | -0.4% | -1.3% | -9.6% |
| Vn-Index | 1,921.60 | 0.3% | 5.8% | 7.7% | 2.2% |
| VN30 | 2,050.58 | -1.1% | 3.1% | 1.0% | -0.5% |
| VN100 | 1,982.89 | -0.7% | 4.0% | 3.4% | 1.8% |
| Vn Midcap | 2,242.25 | 0.2% | 0.3% | 1.1% | -2.5% |
| VN Smallcap | 1,392.54 | -0.6% | -1.7% | -5.7% | -8.2% |
| HNX-INDEX | 257.42 | 4.4% | -1.0% | 3.5% | -2.1% |
| Upcom-Index | 126.40 | -0.7% | -1.5% | 4.5% | -2.3% |

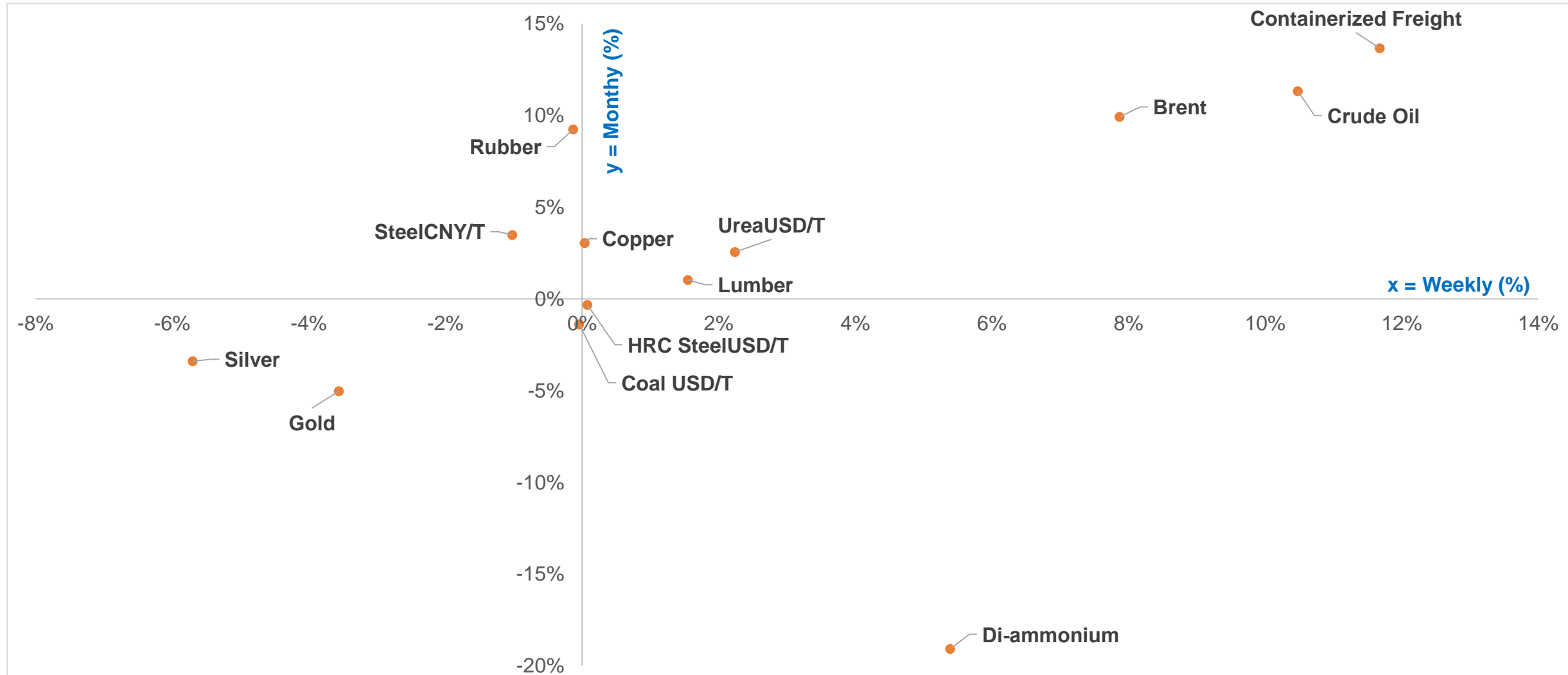
Nguồn: Update 17/05/2026, Investing, MBS Research

Hiệu suất của các nhóm tài sản



Nguồn: Update 17/05/2026, Investing, MBS Research

Hiệu suất của các hàng hóa (theo tuần và theo tháng)



Nguồn: Update 17/05/2026, Investing, MBS Research

Toàn Cảnh Kinh Tế Việt Nam Quý 1/2026: Tăng Trưởng Ấn Tượng Giữa "Sức Nóng" Lạm Phát

Cung cấp cái nhìn tổng quan về các chỉ số kinh tế vĩ mô then chốt của Việt Nam trong Quý 1/2026, bao gồm tăng trưởng GDP, thu hút vốn FDI, chỉ số lạm phát (CPI) và tình hình xuất nhập khẩu.

Động Lực Tăng Trưởng & Đầu Tư



GDP Quý 1/2026 tăng trưởng 7,83%

Cao hơn mức 7,07% cùng kỳ năm trước với dịch vụ đóng góp hơn 50%.



FDI đăng ký đạt 15,2 tỷ USD

Tăng mạnh 42,9% so với cùng kỳ, dẫn đầu là ngành công nghiệp chế biến, chế tạo.



Singapore là nhà đầu tư lớn nhất

Quốc đảo này đầu tư 5,32 tỷ USD, chiếm 52% tổng vốn đăng ký mới.

Thách Thức Vĩ Mô & Giao Thương



CPI tháng 3 lập đỉnh 5 năm

Chỉ số giá tiêu dùng tăng 4,65% so với cùng kỳ do áp lực từ năng lượng.



Nhóm Giao thông tăng đột biến 12,85%

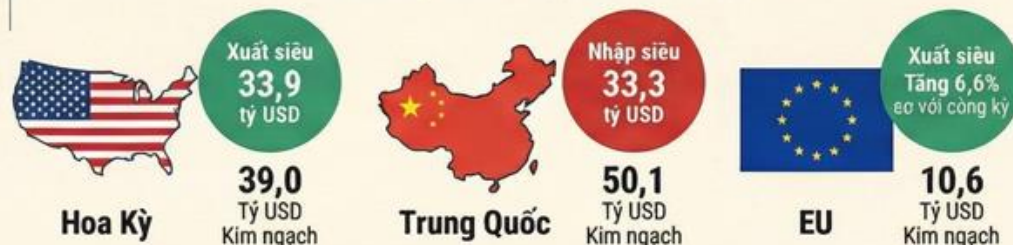
Xung đột Trung Đông đẩy giá xăng dầu và vé máy bay tăng cao.



Nhập siêu 3,64 tỷ USD

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 249,5 tỷ USD, tăng 23% so với cùng kỳ.

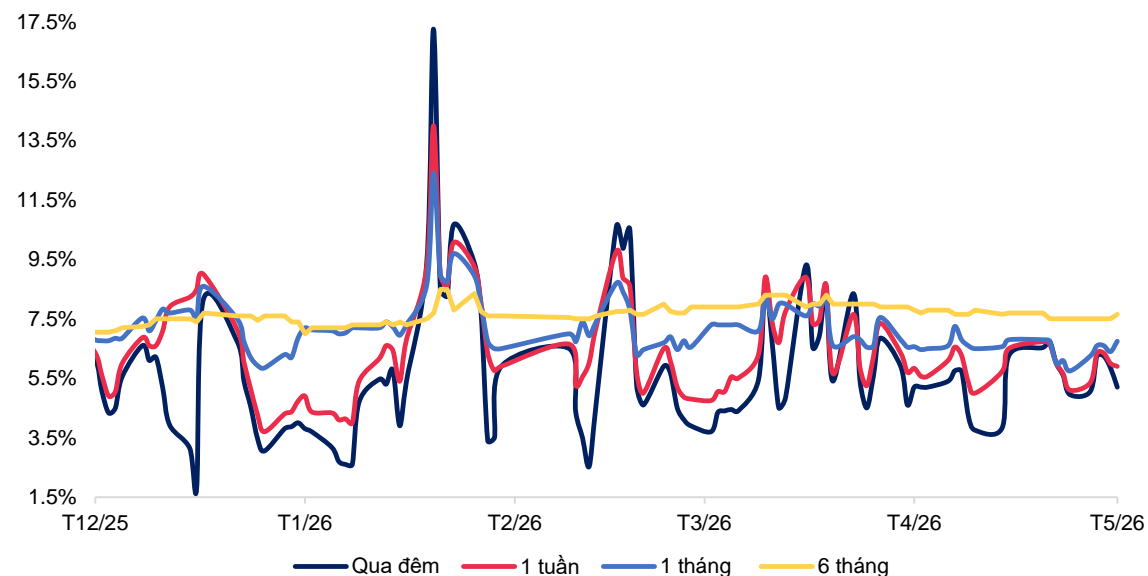
Thị trường xuất nhập khẩu chủ lực



Lãi suất

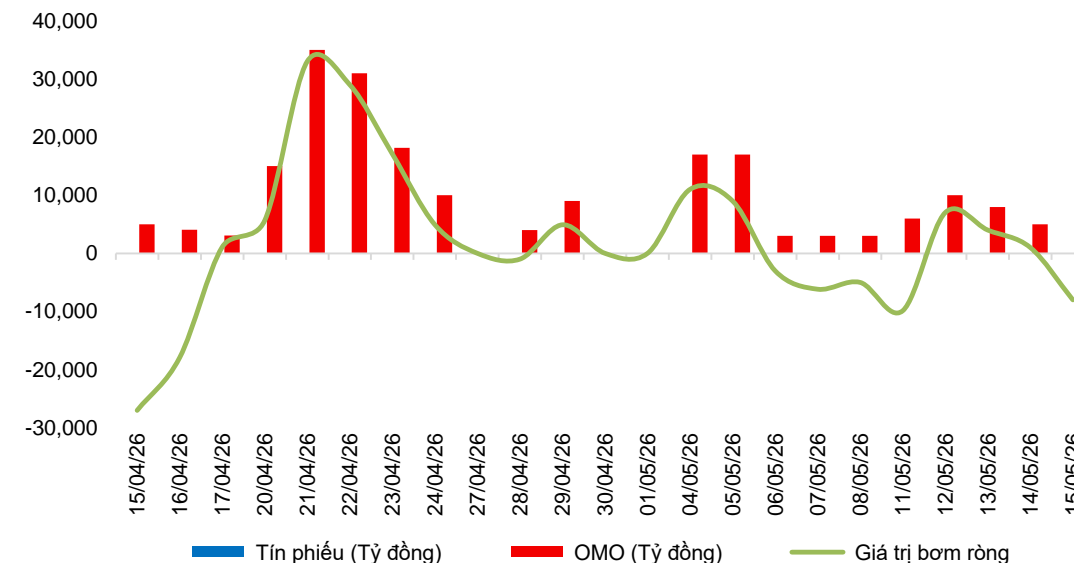
- Trong tuần 11/5 – 15/5, NHNN quay trở lại hút ròng nhẹ 5.9 nghìn tỷ đồng. Cụ thể, có 33 nghìn tỷ đồng trúng thầu trên kênh OMO với kỳ hạn từ 7 – 56 ngày và lãi suất 4.5%. Cùng với đó, khối lượng đảo hạn trên kênh cho vay cầm cố giấy tờ có giá trong kỳ đạt gần 38.9 nghìn tỷ đồng. Theo đó, lượng OMO lưu hành trong hệ thống giảm xuống mức 309.6 nghìn tỷ đồng.
- Tuần qua, mặt bằng lãi suất liên ngân hàng ghi nhận xu hướng tăng nhẹ so với cuối tuần trước. Cụ thể, lãi suất qua đêm tăng 0.25 điểm phần trăm, lên mức 5.2%. Các kỳ hạn từ 1 tuần - 1 tháng, tăng từ 0.8 - 1 điểm phần trăm, hiện dao động trong khoảng 5.9% - 6.75%. Kỳ hạn 6 tháng duy trì quanh mức 7.5% trong tuần, hiện ở mức 7.65%.

Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Thị trường mở

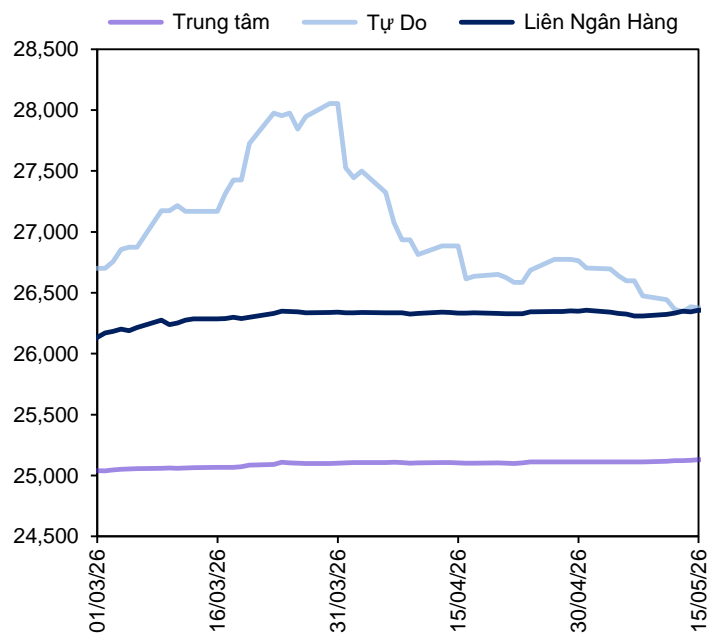


Nguồn: NHNN, MBS Research

Thị trường ngoại hối và trái phiếu

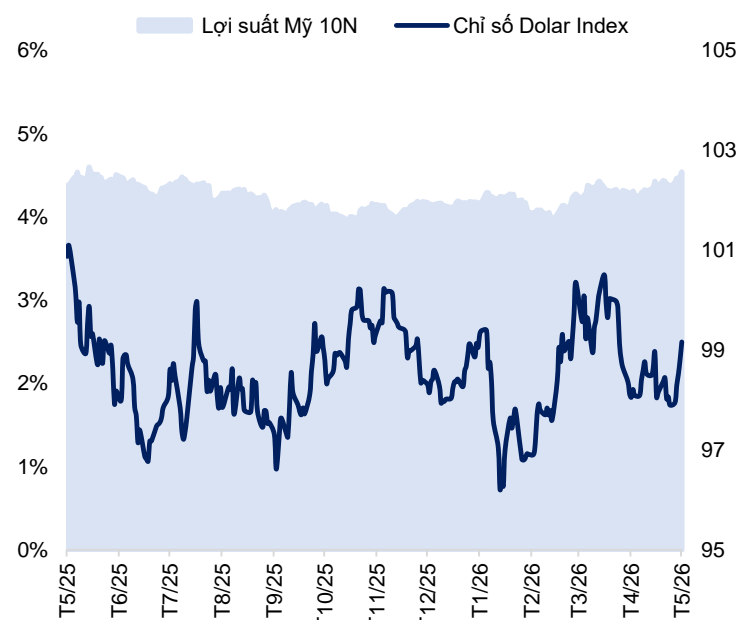
Chỉ số DXY tăng lên gần mức 99.3 trong phiên thứ Sáu, đánh dấu tuần tăng mạnh nhất trong hai tháng qua. Đà tăng của đồng USD diễn ra trong bối cảnh lợi suất trái phiếu Chính phủ Mỹ tiếp tục đi lên, với lợi suất trái phiếu Kho bạc Mỹ kỳ hạn 10 năm tăng lên 4.59%, mức cao nhất trong một năm. Bên cạnh đó, các báo cáo CPI và PPI công bố trong tuần qua đều cho thấy cú sốc giá năng lượng đang đẩy lạm phát Mỹ tăng cao hơn dự báo. Theo CME FedWatch, thị trường hiện đang phản ánh xác suất khoảng 40% Fed có thể nâng lãi suất thêm ít nhất 25 điểm cơ bản tại cuộc họp tháng 12, tăng mạnh so với mức 13.6% của một tuần trước. Trong nước, tỷ giá USD/VND liên NH tăng 0.2% so với cuối tuần trước, lên mức 26,358 VND/USD (+0.3% so với đầu năm). Tỷ giá trung tâm cũng được điều chỉnh tăng 19 đồng, lên mức 25,131 VND/USD (+0.03% so với đầu năm). Ngược lại, tỷ giá trên thị trường tự do giảm 0.4% trong tuần, hiện ở mức 26,375 VND/USD (-2.04% so với đầu năm).

Tỷ giá USD/VND



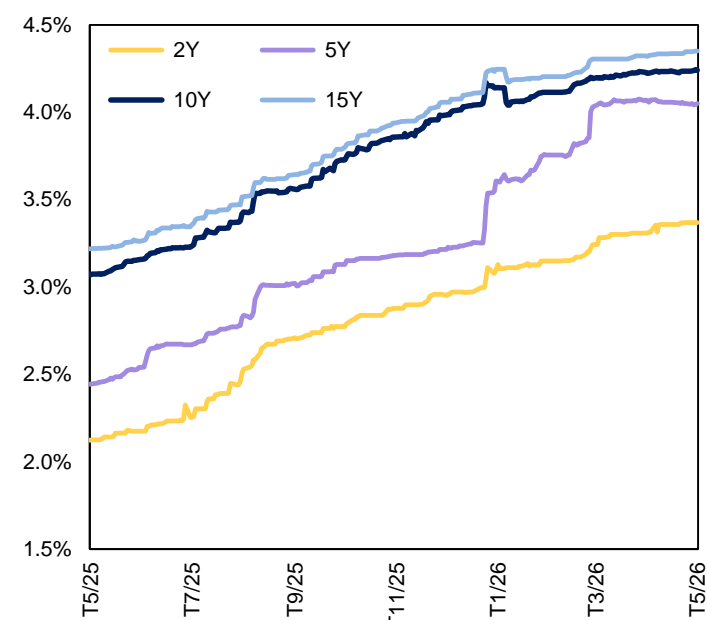
Nguồn: SBV, Bloomberg, MBS Research

Chỉ số Dolar index và lợi suất TPCP Mỹ 10N



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Lợi suất TPCP

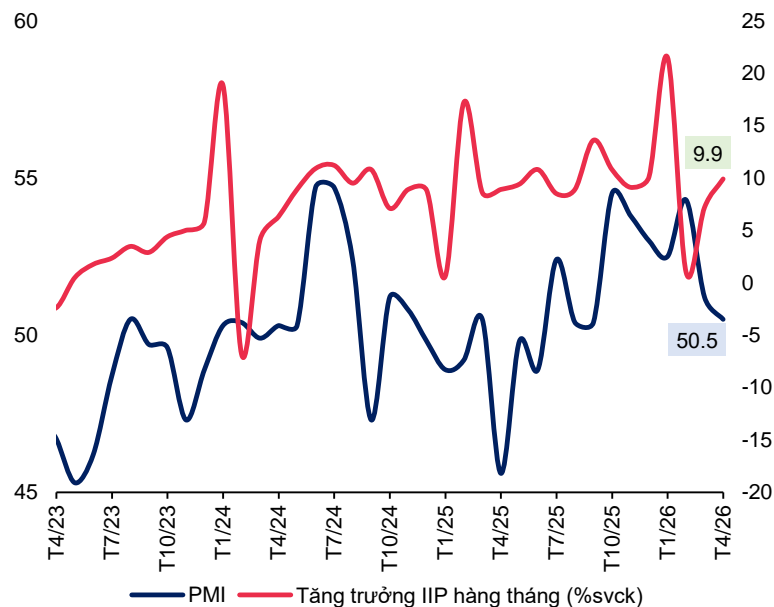


Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Kinh tế vĩ mô trong nước

- Trong T4/26, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa sơ bộ đạt 45.52 tỷ USD (+21% svck), trong khi kim ngạch nhập khẩu ước đạt 48,8 tỷ USD (+32.5% svck). Cán cân thương mại hàng hóa nhập siêu tháng thứ năm liên tiếp, trị giá 3.28 tỷ USD. Lũy kế 4T26, cán cân thương mại hàng hóa nhập siêu 7.11 tỷ USD (cùng kỳ năm ngoái xuất siêu 4.3 tỷ USD). Chỉ số IIP T4/26 ước tính tăng 3% so với tháng trước và tăng 9.9% svck. Lũy kế từ đầu năm, chỉ số IIP tăng 9.2% svck). Chỉ số PMI giảm xuống mức thấp nhất trong 7 tháng tại 50.5 điểm trong tháng 4. Số lượng đơn đặt hàng mới giảm lần đầu tiên trong 8 tháng khi áp lực lạm phát đạt mức cao nhất trong 15 năm trở lại đây. Trong đó, số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu mới giảm đáng kể tháng thứ hai liên tiếp.
- Tốc độ tăng trưởng của tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 12.1% svck trong T4, và lũy kế 4T26 tăng 11.1% svck (nếu loại trừ yếu tố giá tăng 6,3% svck).

Chỉ số PMI sản xuất và IIP của Việt Nam (% svck)



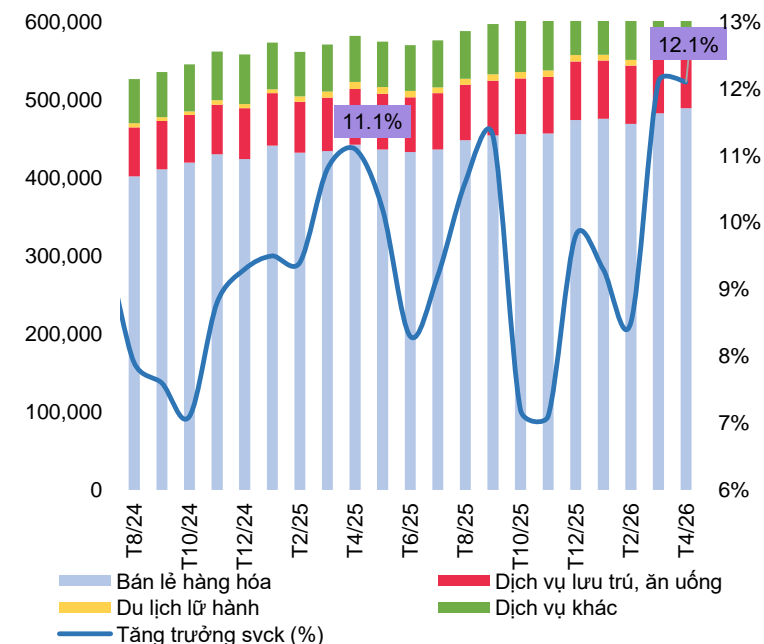
Nguồn: Cục thống kê, MBS Research

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa qua các tháng (Tỷ USD)



Nguồn: Cục thống kê, MBS Research

Doanh thu bán lẻ hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng so với cùng kỳ năm trước (Tỷ USD)

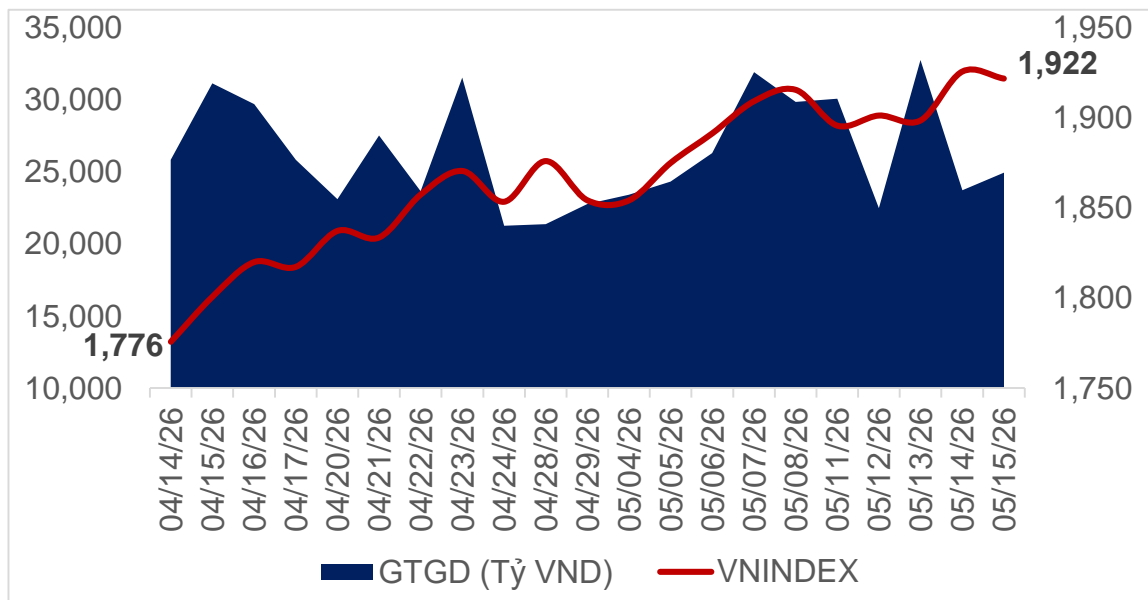


Nguồn: Cục thống kê, MBS Research

Chỉ số Vn-Index tiếp tục lập kỷ lục mới sau 8 tuần tăng liên tiếp, tuy vậy thanh khoản giảm nhẹ

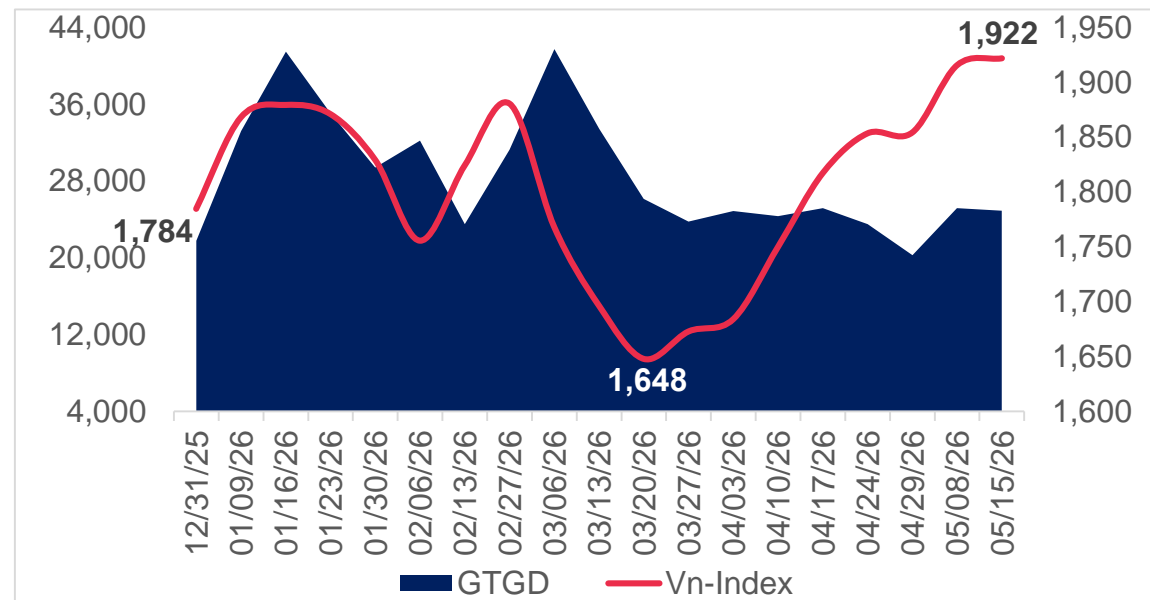
- Chỉ số Vn-Index tiếp tục lập kỷ lục mới sau 8 tuần tăng liên tiếp, tương đương với chuỗi tăng ở quý 1/2025. Chốt tuần, Vn-Index dừng ở 1.921,16 điểm, tăng +6,2 điểm (+0,33%) nhờ sự hỗ trợ từ nhóm cổ phiếu Dầu khí (+15 điểm), trong đó: GAS (+7,5 điểm), BSR (+6,2 điểm). Cả tuần, chỉ số VN30 giảm -1,1%, đứt mạch tăng 7 tuần liên tiếp, Midcap tăng +0,2%, trong khi Smallcap giảm sang tuần thứ 5 liên tiếp. Độ rộng thị trường duy trì ở ngưỡng 50% số nhóm cổ phiếu tăng giá, trong 5 tuần gần đây, tỷ lệ nhóm tăng giá chỉ đạt mức bình quân 43%. Một số nhóm cổ phiếu nổi bật như: Dầu khí (+18%), Cao su tự nhiên (+5,5%), BĐS KCN (+3,2%),... trong khi nhóm cổ phiếu giảm mạnh gồm: Bán lẻ (-3,7%), VLXD (-2,3%), Hàng không (-2%), v.v... Với 8 tuần tăng liên tiếp, chỉ số Vn-Index liên tục lập đỉnh cao mới, tuy vậy loại trừ nhóm Vingroup, Vn-Index vẫn đang thấp hơn ngưỡng 1.800 điểm.
- Thanh khoản toàn thị trường tuần vừa qua đạt 26.789 tỷ đồng, giảm nhẹ -1,3% so với tuần trước, tuy vậy thanh khoản khớp lệnh vẫn tăng +1,3%, lên 23.300 tỷ đồng. Theo thống kê, thanh khoản toàn thị trường kể từ đầu tháng 5 đạt 26.968 tỷ đồng, tăng nhẹ +2,6% với tháng 4/2026 và tăng +12,2% so với tháng 5/2025. Kể từ đầu năm, thanh khoản toàn thị trường đạt 31.515 tỷ đồng, tăng +9,1% so với mức bình quân năm 2025.

Diễn biến chỉ số Vn-Index và thanh khoản (1 tháng, Tỷ VND)



Nguồn: FinX, MBS Research

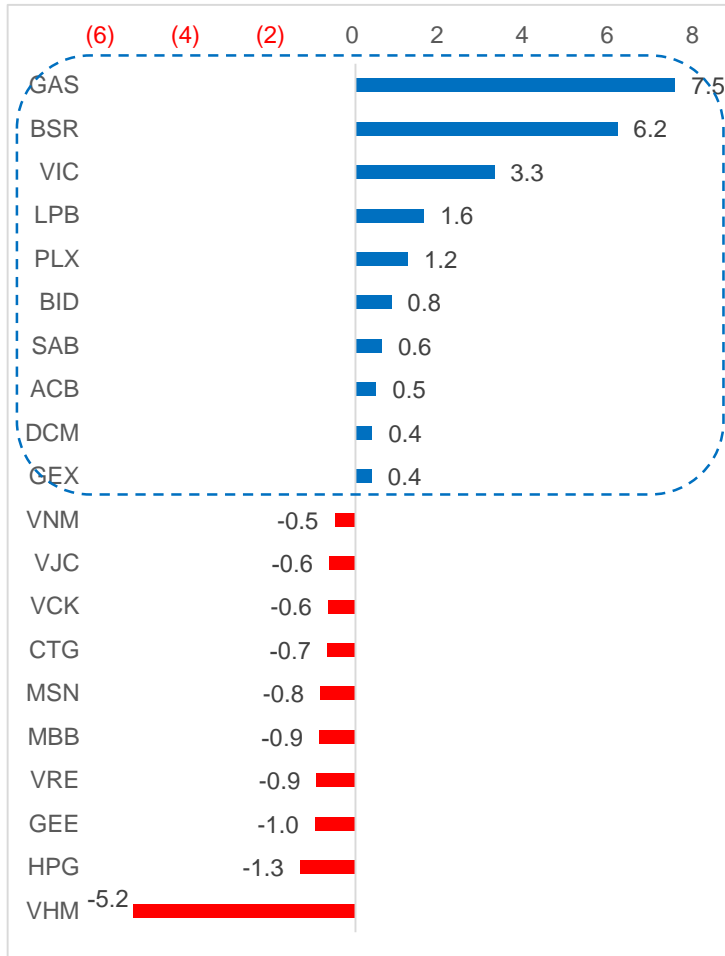
Diễn biến chỉ số Vn-index và thanh khoản (Theo tuần, Tỷ VND)



Nguồn: FinX, MBS Research

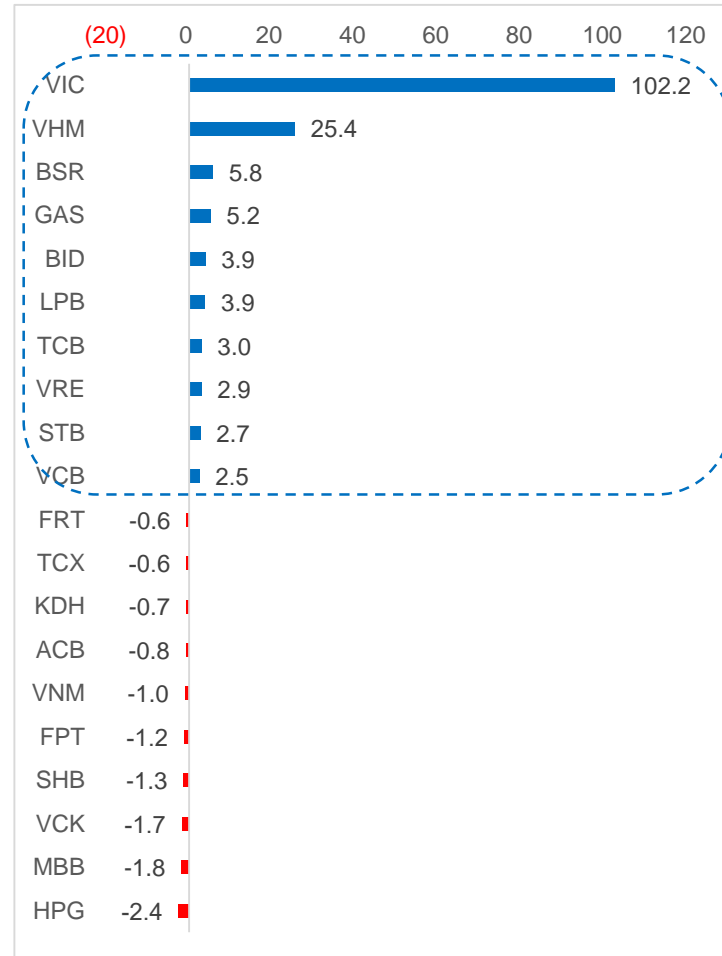
Top cổ phiếu ảnh hưởng đến chỉ số VN-Index

Top cổ phiếu đóng góp vào mức tăng +6 điểm của Vn-Index trong tuần vừa qua



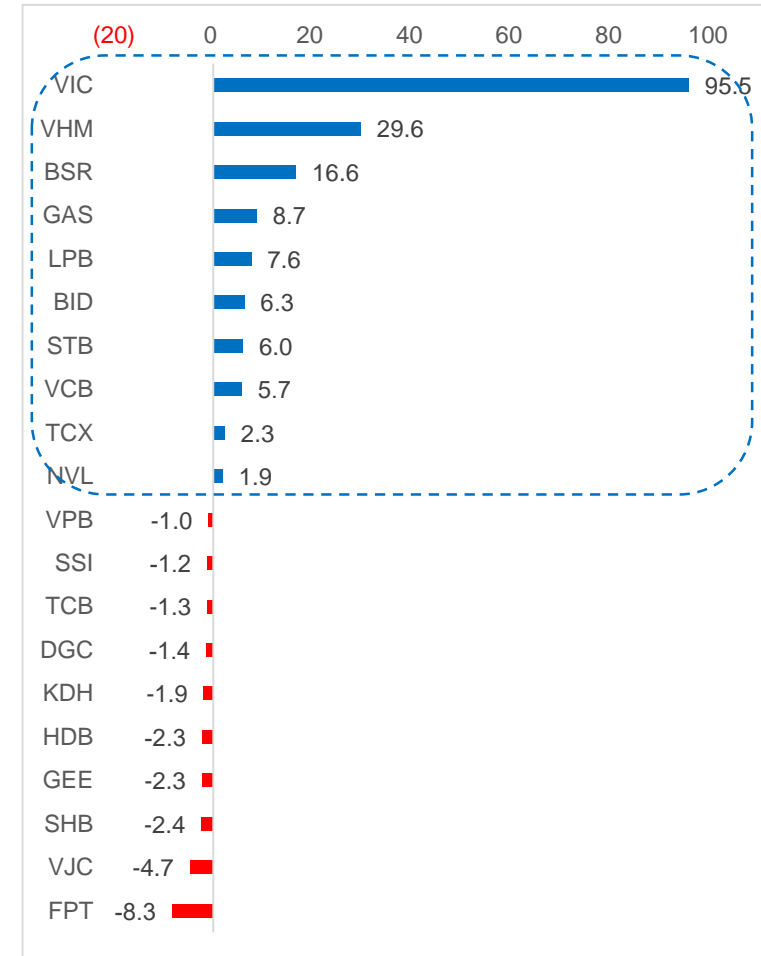
Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Top cổ phiếu đóng góp vào mức tăng +146 điểm của Vn-Index trong vòng 1 tháng vừa qua



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Top cổ phiếu đóng góp vào mức tăng +137 điểm của Vn-Index kể từ đầu năm

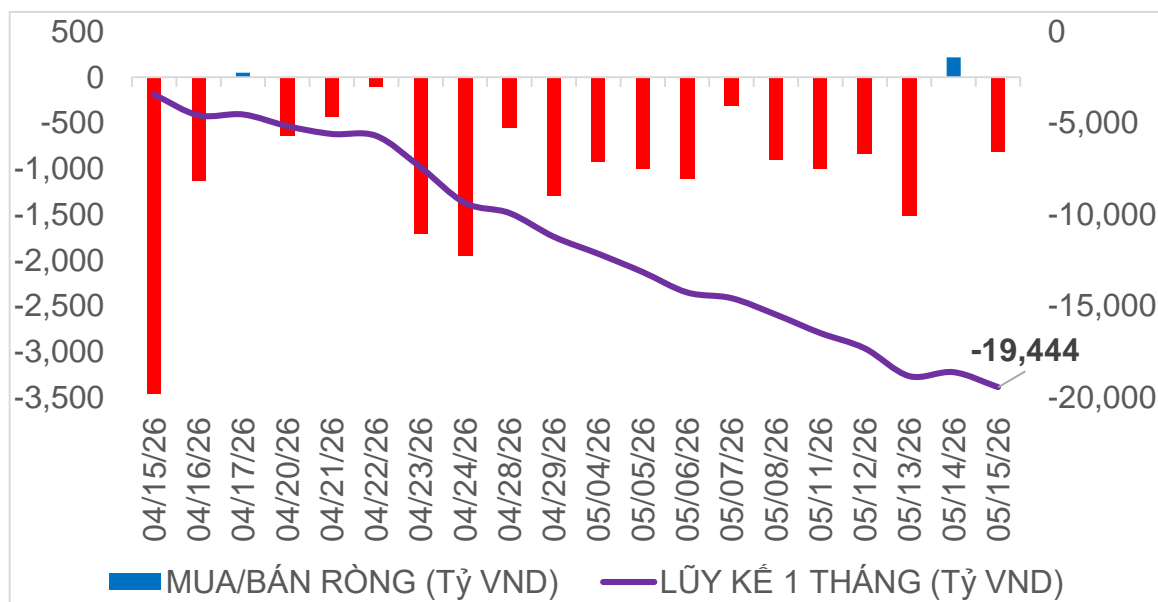


Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Khối ngoại bán ròng -3.960 tỷ đồng trong tuần vừa qua, đây cũng là tuần bán ròng thứ 9 liên tiếp

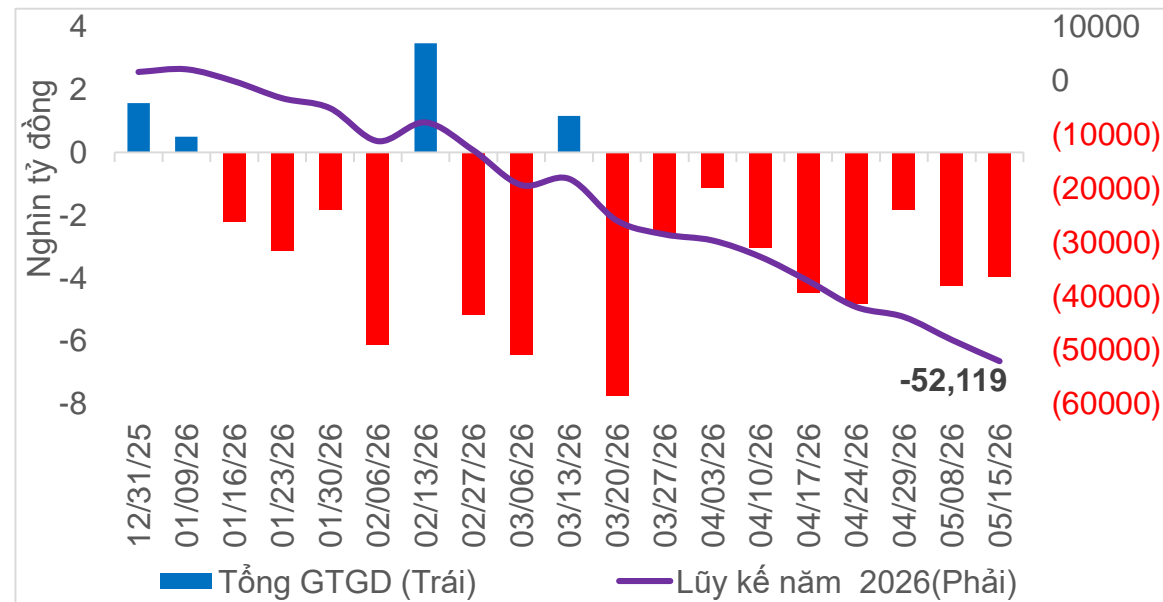
Khối ngoại bán ròng -3.960 tỷ đồng trong tuần vừa qua, đây cũng là tuần bán ròng thứ 9 liên tiếp, theo thống kê kể từ đầu tháng 5 khối ngoại đang bán ròng -8.214 tỷ đồng, lũy kế từ đầu năm khối ngoại bán ròng -53.687 tỷ đồng (~2,1 tỷ USD). Năm 2025, khối ngoại bán ròng kỷ lục với tổng giá trị -135.329 tỷ đồng (~5,2 tỷ USD), đánh dấu năm bán ròng thứ 3 liên tiếp của khối ngoại trong chuỗi bán ròng 5/6 năm vừa qua. Trong tuần vừa qua, khối ngoại mua ròng đối với: MSB (+461 tỷ đồng), BSR (+412 tỷ đồng), GEX (+211 tỷ đồng),... trong khi bán ròng đối với: VHM (-1.075 tỷ đồng), FPT (-882 tỷ đồng), ACB (-455 tỷ đồng), ... Tự doanh các công ty chứng khoán mua ròng trong tuần vừa qua đối với các cổ phiếu như: CTG (+59 tỷ đồng), VHM (+56 tỷ đồng),... trong khi bán ròng đối với các cổ phiếu khác như: GEE (-469 tỷ đồng), GEL (-426 tỷ đồng), GEX (-198 tỷ đồng).

Giao dịch NĐTNN trong vòng 1 tháng (Theo ngày)



Nguồn: FinX, MBS Research

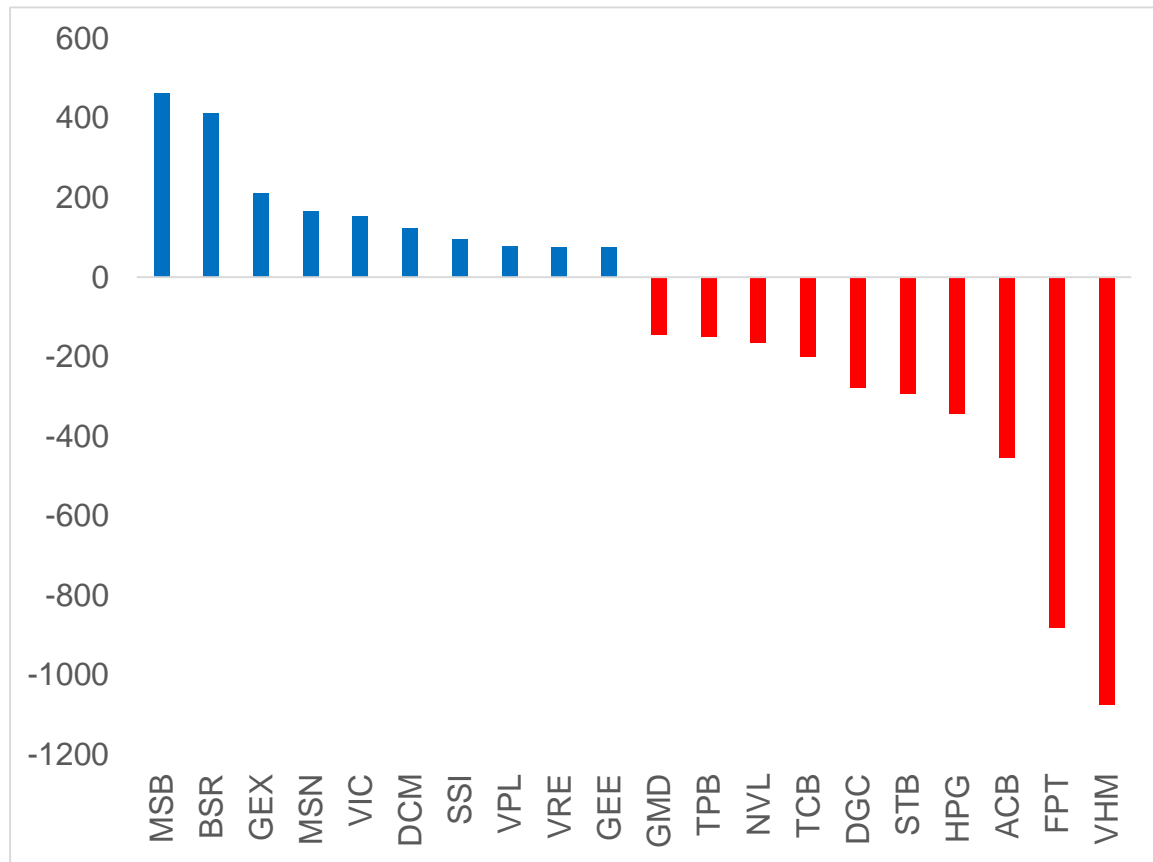
Giao dịch NĐTNN kể từ đầu năm (theo tuần)



Nguồn: FinX, MBS Research

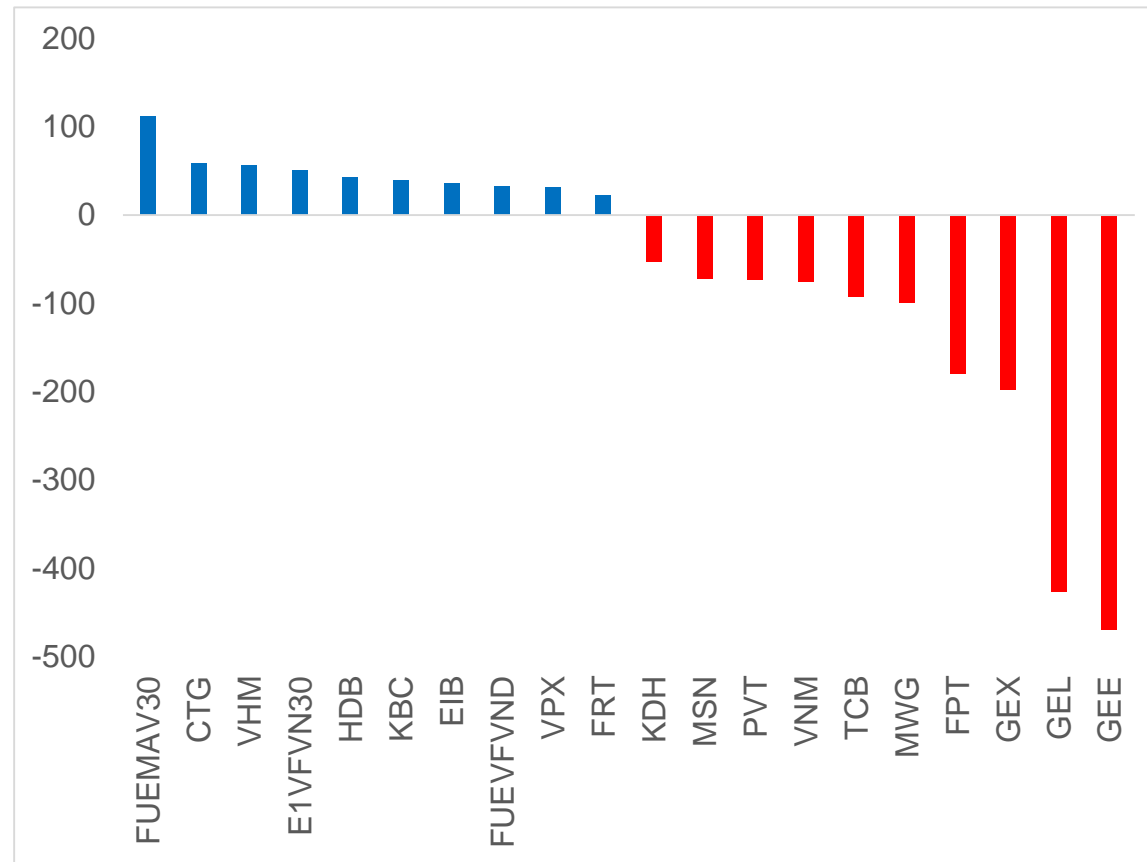
Top cổ phiếu được khối ngoại và tự doanh Mua/Bán ròng trên sàn HOSE (Tỷ VND)

Top cổ phiếu được khối ngoại Mua/Bán ròng trên sàn HOSE trong tuần vừa qua (Tỷ VND)



Nguồn: FinX, MBS Research

Top cổ phiếu được tự doanh Mua/Bán ròng trên sàn HOSE trong tuần vừa qua (Tỷ VND)



Nguồn: FinX, MBS Research

Danh sách 23 cổ phiếu dự kiến vào rổ FTSE GEIS

| STT | MCK | Giá đóng cửa (15/05) | KLTB 20 phiên (Nghìn CP) | So với đỉnh 1 năm (52 tuần,%) | 1 Tuần (%) | 1 Tháng (%) | Kể từ đầu năm (%) |
|-----|---------|----------------------|--------------------------|-------------------------------|------------|-------------|-------------------|
| | VNINDEX | 1921.6 | 713,955 | -0.3 | 0.3 | 8.2 | 7.7 |
| 1 | VIC | 228.0 | 4,729 | -1.7 | 0.9 | 37.8 | 34.4 |
| 2 | STB | 72.9 | 6,584 | -5.1 | -0.8 | 10.3 | 25.7 |
| 3 | VHM | 158.0 | 7,160 | -8.8 | -3.7 | 22.6 | 27.4 |
| 4 | HPG | 26.6 | 30,742 | -12.4 | -2.9 | -5.3 | 2.4 |
| 5 | GEE | 121.0 | 1,322 | -12.6 | -5.5 | 8.6 | -12.4 |
| 6 | MSN | 77.5 | 6,637 | -17.6 | -3.4 | -0.1 | 0.7 |
| 7 | NVL | 17.3 | 33,628 | -17.6 | 0.6 | 1.2 | 29.6 |
| 8 | BSR | 31.8 | 15,380 | -19.8 | 22.4 | 20.7 | 97.2 |
| 9 | VNM | 59.8 | 3,717 | -20.8 | -1.8 | -3.6 | -2.3 |
| 10 | VJC | 171.3 | 1,428 | -22.1 | -2.8 | 2.7 | -18.0 |
| 11 | VCB | 60.7 | 8,243 | -23.0 | 0.0 | 2.4 | 5.6 |

Nguồn: MBS Research

| STT | MCK | Giá đóng cửa (15/05) | KLTB 20 phiên (Nghìn CP) | So với đỉnh 1 năm (52 tuần,%) | 1 Tuần (%) | 1 Tháng (%) | Kể từ đầu năm (%) |
|-----|-----|----------------------|--------------------------|-------------------------------|------------|-------------|-------------------|
| 12 | GEX | 34.9 | 13,925 | -23.0 | 4.2 | 23.3 | 16.1 |
| 13 | BID | 43.0 | 8,540 | -24.1 | 1.3 | 6.3 | 10.4 |
| 14 | VRE | 34.0 | 11,095 | -24.8 | -5.3 | 21.9 | 1.0 |
| 15 | KBC | 32.1 | 3,779 | -25.6 | -4.6 | -5.2 | -9.3 |
| 16 | SHB | 13.9 | 57,109 | -27.6 | -2.5 | -8.0 | -13.8 |
| 17 | VCI | 25.6 | 7,414 | -28.6 | -1.4 | -8.4 | 0.0 |
| 18 | SSI | 27.9 | 17,667 | -29.3 | -1.4 | -2.8 | -7.8 |
| 19 | FPT | 72.9 | 10,304 | -34.7 | 1.4 | -4.3 | -23.9 |
| 20 | KDH | 23.4 | 4,906 | -38.6 | -3.5 | -10.7 | -25.7 |
| 21 | VND | 16.5 | 8,467 | -39.9 | 0.0 | -2.4 | -15.4 |
| 22 | VIX | 18.8 | 40,423 | -45.1 | 0.8 | 3.3 | -1.3 |
| 23 | DGC | 51.5 | 3,017 | -51.5 | -1.3 | -8.5 | -24.8 |

Nguồn: MBS Research

Dòng tiền ròng theo nhóm cổ phiếu (% tăng/giảm vs tuần trước)

| | 05/15/26 | 05/08/26 | 04/29/26 | 04/24/26 | 04/17/26 |
|--------------------|----------|----------|----------|----------|----------|
| Dầu khí | 59.0% | 0.8% | 8.5% | 20.9% | -20.3% |
| Ngân hàng | -1.6% | 22.0% | -8.2% | 14.5% | -25.5% |
| Chứng khoán | 2.9% | 88.9% | -58.5% | 4.2% | -15.2% |
| Bất động sản | -10.9% | -1.1% | -4.9% | 6.4% | -5.6% |
| Dệt may | 26.2% | -11.8% | -48.5% | 4.5% | -2.2% |
| Bán lẻ | -10.5% | 2.8% | 25.5% | -31.8% | 12.7% |
| Vingroup | 12.6% | -24.1% | 63.8% | -18.0% | 115.9% |
| Xây dựng & VLXD | 8.6% | 58.1% | -52.3% | 5.8% | -1.0% |
| Thực phẩm | -4.5% | 46.9% | -14.7% | -14.0% | 14.5% |
| Thủy sản | -39.0% | 12.0% | 63.8% | 4.8% | -28.5% |
| Logistics | -0.4% | 52.1% | -36.3% | 3.6% | -3.4% |
| Dược phẩm | 16.1% | 70.3% | -59.4% | 6.3% | 21.2% |
| Sản xuất & PP Điện | -47.7% | 12.6% | 52.9% | 9.1% | -0.2% |
| Đầu tư công | -52.5% | 65.5% | -40.0% | 6.2% | -12.3% |
| Hóa chất | 12.9% | -0.7% | -20.5% | 8.4% | -9.0% |
| Cao su tự nhiên | 26.2% | 29.2% | 12.8% | 6.7% | -16.3% |
| Bảo hiểm | 9.0% | 43.6% | -44.3% | 31.5% | -22.3% |
| Ô tô và phụ tùng | 2.1% | -11.9% | -15.6% | 1.1% | -11.8% |
| Dịch vụ | -18.8% | 8.0% | 0.5% | -7.8% | 45.9% |
| BDS KCN | 4.7% | 78.5% | -29.7% | -6.9% | 23.8% |
| Viettel | 25.8% | 6.3% | -40.0% | 3.3% | 18.7% |
| Du lịch | -2.5% | -28.4% | 365.3% | -10.0% | -20.0% |
| Công nghệ | 32.2% | 1.2% | 4.1% | -12.0% | 34.6% |
| Đường | 38.2% | 7.7% | 38.8% | 4.9% | -12.5% |

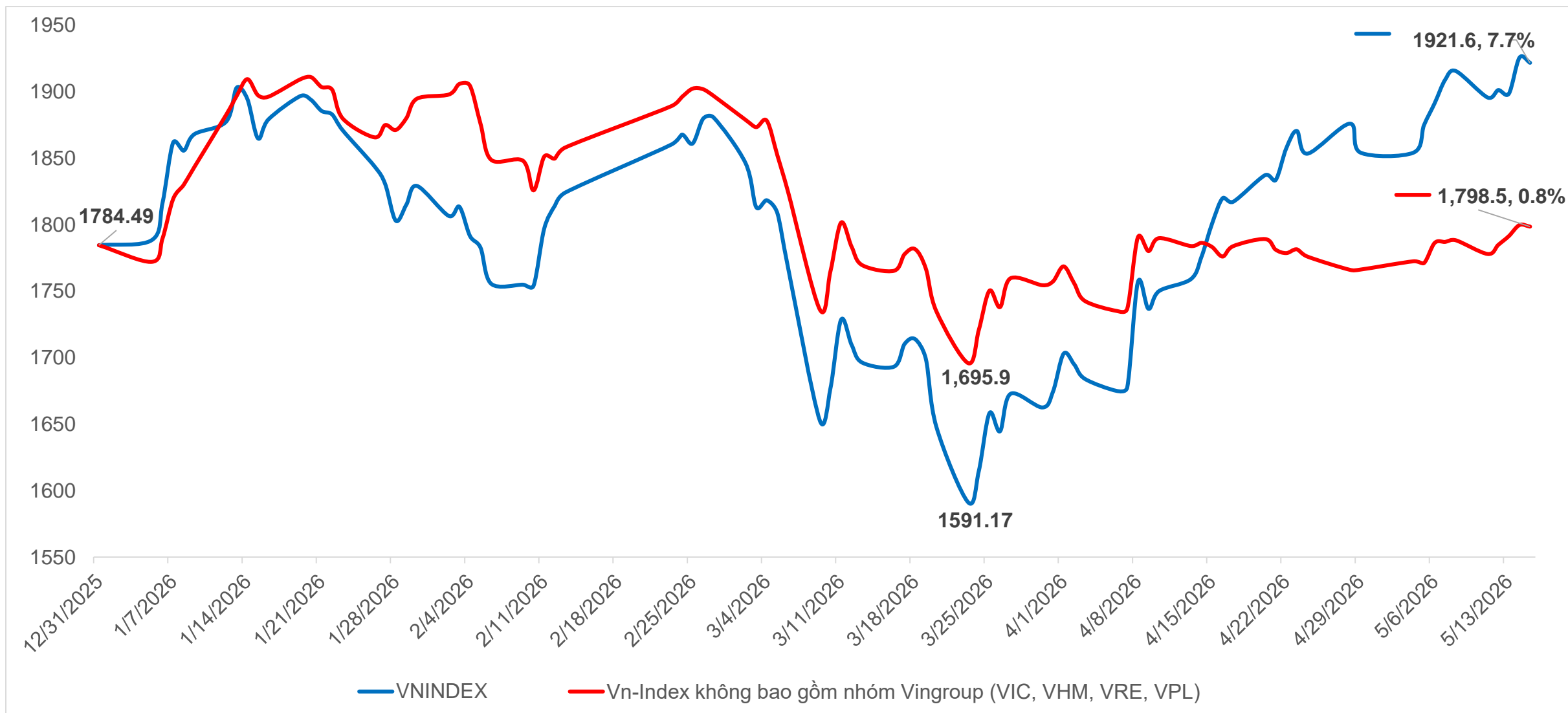
Nguồn: FinX, MBS Research

Cơ cấu thanh khoản theo nhóm cổ phiếu (Theo tuần)

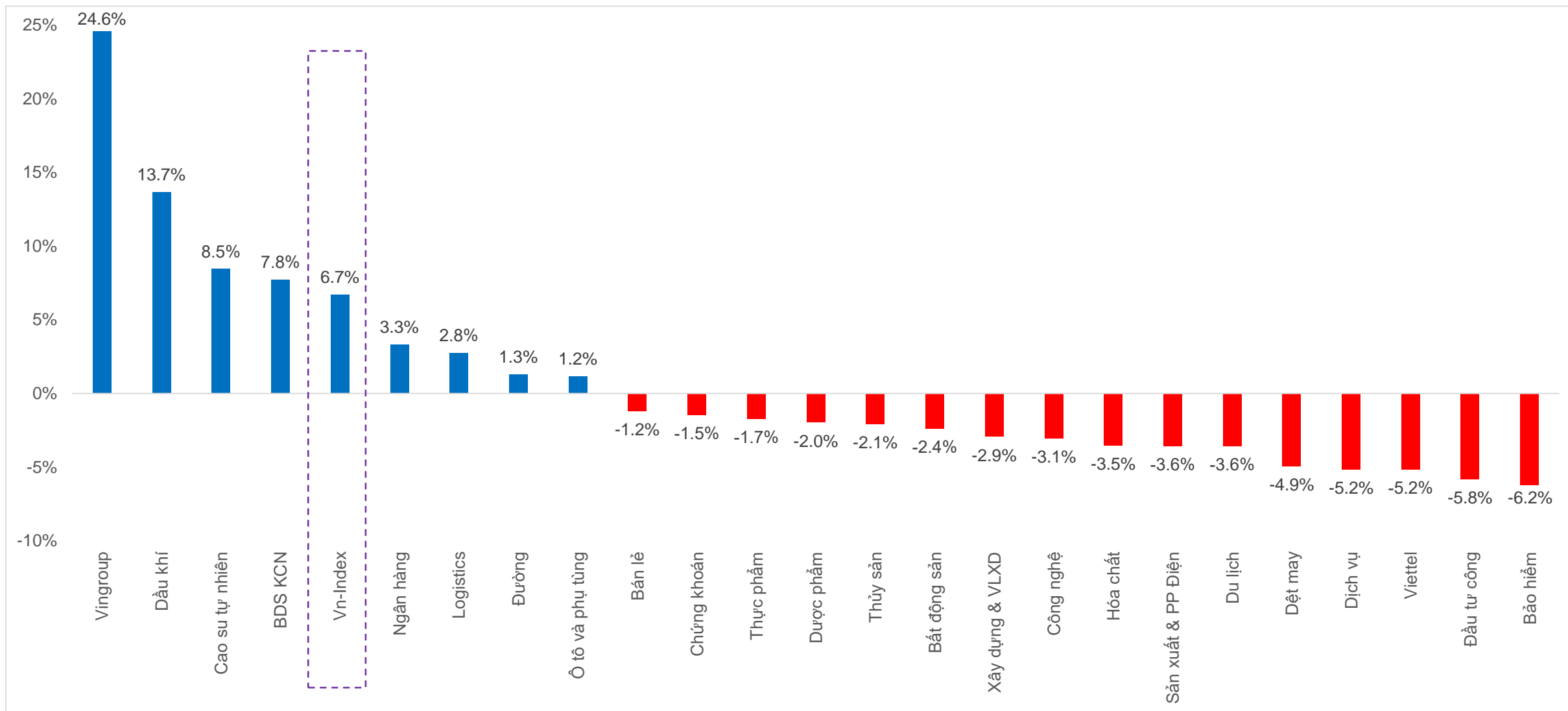
| | 05/15/26 | 05/08/26 | 04/29/26 | 04/24/26 | 04/17/26 |
|--------------------|----------|----------|----------|----------|----------|
| Dầu khí | 10.0% | 6.4% | 7.3% | 6.0% | 5.0% |
| Ngân hàng | 21.7% | 22.5% | 21.2% | 20.6% | 18.2% |
| Chứng khoán | 12.2% | 12.1% | 7.4% | 15.9% | 15.4% |
| Bất động sản | 10.9% | 12.6% | 14.6% | 13.7% | 13.0% |
| Dệt may | 0.3% | 0.2% | 0.3% | 0.5% | 0.5% |
| Bán lẻ | 3.3% | 3.8% | 4.3% | 3.0% | 4.5% |
| Vingroup | 13.1% | 11.9% | 18.0% | 9.8% | 12.1% |
| Xây dựng & VLXD | 5.6% | 5.3% | 3.8% | 7.2% | 6.9% |
| Thực phẩm | 4.5% | 4.8% | 3.8% | 3.9% | 4.7% |
| Thủy sản | 0.4% | 0.6% | 0.6% | 0.3% | 0.3% |
| Logistics | 1.6% | 1.6% | 1.2% | 1.7% | 1.7% |
| Dược phẩm | 0.3% | 0.2% | 0.2% | 0.4% | 0.3% |
| Sản xuất & PP Điện | 1.9% | 3.7% | 3.8% | 2.2% | 2.1% |
| Đầu tư công | 1.1% | 2.5% | 1.7% | 2.5% | 2.4% |
| Hóa chất | 2.7% | 2.5% | 2.9% | 3.2% | 3.0% |
| Cao su tự nhiên | 0.3% | 0.2% | 0.2% | 0.2% | 0.1% |
| Bảo hiểm | 0.4% | 0.4% | 0.3% | 0.5% | 0.4% |
| Ô tô và phụ tùng | 0.3% | 0.3% | 0.3% | 0.4% | 0.4% |
| Dịch vụ | 1.4% | 1.7% | 1.8% | 1.6% | 1.8% |
| BDS KCN | 2.3% | 2.2% | 1.4% | 1.8% | 2.0% |
| Viettel | 0.6% | 0.5% | 0.5% | 0.8% | 0.8% |
| Du lịch | 0.0% | 0.0% | 0.0% | 0.0% | 0.0% |
| Công nghệ | 4.9% | 3.8% | 4.3% | 3.7% | 4.3% |
| Đường | 0.2% | 0.1% | 0.1% | 0.1% | 0.1% |

Nguồn: FinX, MBS Research

Với 8 tuần tăng liên tiếp, chỉ số Vn-Index liên tục lập đỉnh cao mới, tuy vậy loại trừ nhóm Vingroup, Vn-Index vẫn đang thấp hơn ngưỡng 1.800 điểm



Chỉ số Vn-Index lập đỉnh cao mới nhưng rất ít nhóm cổ phiếu theo kịp đà tăng này (hiệu suất của các nhóm cổ phiếu so với mức đỉnh từ đầu năm)



Hiệu suất nhóm cổ phiếu chứng khoán

| STT | MCK | Giá đóng cửa (15/05) | KLTB 20 phiên (Nghìn CP) | So với đỉnh 1 năm (52 tuần, %) | 1 Tuần (%) | 1 Tháng (%) | Kể từ đầu năm (%) |
|-----|-----|----------------------|--------------------------|--------------------------------|------------|-------------|-------------------|
| 1 | HCM | 28.8 | 13,300 | -3.8 | 2.9 | 10.8 | 30.5 |
| 2 | VCK | 33.5 | 3,060 | -12.2 | -3.6 | -8.9 | 6.8 |
| 3 | TCI | 11.6 | 224 | -14.8 | 4.1 | 12.7 | 18.0 |
| 4 | VPX | 27.8 | 1,018 | -19.4 | 1.1 | -3.5 | -6.7 |
| 5 | TCX | 51.2 | 1,084 | -20.2 | 0.6 | -2.5 | 10.1 |
| 6 | ORS | 13.5 | 1,933 | -20.6 | 0.0 | -2.2 | 2.7 |
| 7 | ABW | 10.6 | 113 | -23.7 | -0.9 | 0.0 | -10.9 |
| 8 | VCI | 25.6 | 7,414 | -28.6 | -1.4 | -8.4 | 0.0 |
| 9 | SSI | 27.9 | 17,667 | -29.3 | -1.4 | -2.8 | -7.8 |
| 10 | VND | 16.5 | 8,467 | -39.9 | 0.0 | -2.4 | -15.4 |
| 11 | BSI | 35.0 | 226 | -40.0 | 0.1 | -5.7 | -6.9 |
| 12 | CTS | 28.1 | 614 | -40.1 | 4.5 | 0.0 | -15.4 |
| 13 | SHS | 17.7 | 11,295 | -41.0 | 1.7 | -2.2 | -14.1 |
| 14 | MBS | 19.4 | 2,695 | -41.7 | -0.5 | -6.3 | -7.2 |
| 15 | VIX | 18.8 | 40,423 | -45.1 | 0.8 | 3.3 | -1.3 |

Nguồn: MBS Research

Hiệu suất nhóm cổ phiếu Ngân hàng

| STT | MCK | Giá đóng cửa (15/05) | KLTB 20 phiên (Nghìn CP) | So với đỉnh 1 năm (52 tuần, %) | 1 Tuần (%) | 1 Tháng (%) | Kể từ đầu năm (%) |
|-----|-----|----------------------|--------------------------|--------------------------------|------------|-------------|-------------------|
| 1 | STB | 72.9 | 6,584 | -5.1 | -0.8 | 10.3 | 25.7 |
| 2 | LPB | 51.5 | 1,387 | -6.5 | 5.2 | 13.5 | 30.4 |
| 3 | HDB | 27.6 | 12,658 | -8.2 | 0.7 | 5.6 | -7.2 |
| 4 | MBB | 25.7 | 13,591 | -13.1 | -1.9 | -3.9 | 1.4 |
| 5 | CTG | 35.8 | 8,492 | -17.7 | -1.1 | 2.6 | 0.1 |
| 6 | TCB | 34.1 | 12,846 | -18.9 | 0.6 | 6.2 | -2.4 |
| 7 | ACB | 23.3 | 13,646 | -21.0 | 2.0 | -2.9 | -2.9 |
| 8 | VCB | 60.7 | 8,243 | -23.0 | 0.0 | 2.4 | 5.6 |
| 9 | BID | 43.0 | 8,540 | -24.1 | 1.3 | 6.3 | 10.4 |
| 10 | OCB | 11.3 | 1,930 | -27.0 | 0.0 | -3.0 | -5.9 |
| 11 | SHB | 13.9 | 57,109 | -27.6 | -2.5 | -8.0 | -13.8 |
| 12 | TPB | 15.7 | 7,533 | -27.8 | -1.9 | -4.6 | -8.2 |
| 13 | VPB | 27.6 | 15,217 | -27.9 | 0.3 | 2.5 | -2.1 |
| 14 | BVB | 12.7 | 1,384 | -28.3 | 0.0 | 0.8 | -3.8 |
| 15 | SSB | 16.5 | 1,945 | -30.7 | -1.8 | -2.9 | -5.4 |
| 16 | EIB | 21.9 | 10,626 | -31.0 | -1.4 | -5.0 | 2.6 |
| 17 | VIB | 16.1 | 5,044 | -31.5 | 0.3 | -3.5 | -4.3 |

Nguồn: MBS Research

Hiệu suất nhóm cổ phiếu Bất động sản

| STT | MCK | Giá đóng cửa (15/05) | KLTB 20 phiên (Nghìn CP) | So với đỉnh 1 năm (52 tuần,%) | 1 Tuần (%) | 1 Tháng (%) | Kể từ đầu năm (%) |
|-----|-----|----------------------|--------------------------|-------------------------------|------------|-------------|-------------------|
| 1 | TAL | 46.0 | 190 | -17.4 | 5.6 | 2.5 | -11.0 |
| 2 | NVL | 17.3 | 33,628 | -17.6 | 0.6 | 1.2 | 29.6 |
| 3 | NTL | 16.7 | 503 | -21.5 | 4.1 | 3.7 | -9.3 |
| 4 | HDG | 24.8 | 1,861 | -30.8 | -1.4 | -13.6 | -7.7 |
| 5 | IJC | 10.0 | 1,653 | -31.8 | -0.6 | -6.6 | -7.1 |
| 6 | TCH | 16.8 | 9,584 | -32.9 | -0.9 | -2.9 | -8.2 |
| 7 | SJS | 56.0 | 43 | -34.0 | -1.2 | 6.7 | -9.4 |
| 8 | DXG | 16.1 | 15,631 | -34.5 | 3.9 | 4.6 | -6.1 |
| 9 | KDH | 23.4 | 4,906 | -38.6 | -3.5 | -10.7 | -25.7 |
| 10 | CII | 19.1 | 20,426 | -39.1 | 3.5 | -3.3 | -8.6 |
| 11 | PDR | 16.6 | 9,070 | -39.2 | 1.2 | 0.6 | -12.0 |
| 12 | DIG | 15.0 | 9,242 | -40.4 | 3.5 | 1.4 | -10.8 |
| 13 | NLG | 26.5 | 2,218 | -42.0 | 0.0 | -9.1 | -13.0 |
| 14 | AGG | 12.1 | 196 | -45.3 | -1.2 | -6.2 | -15.1 |
| 15 | CEO | 17.7 | 10,568 | -46.2 | 4.1 | 2.9 | -16.1 |
| 16 | HDC | 18.9 | 2,196 | -49.9 | 1.9 | 0.0 | -16.7 |

Nguồn: MBS Research

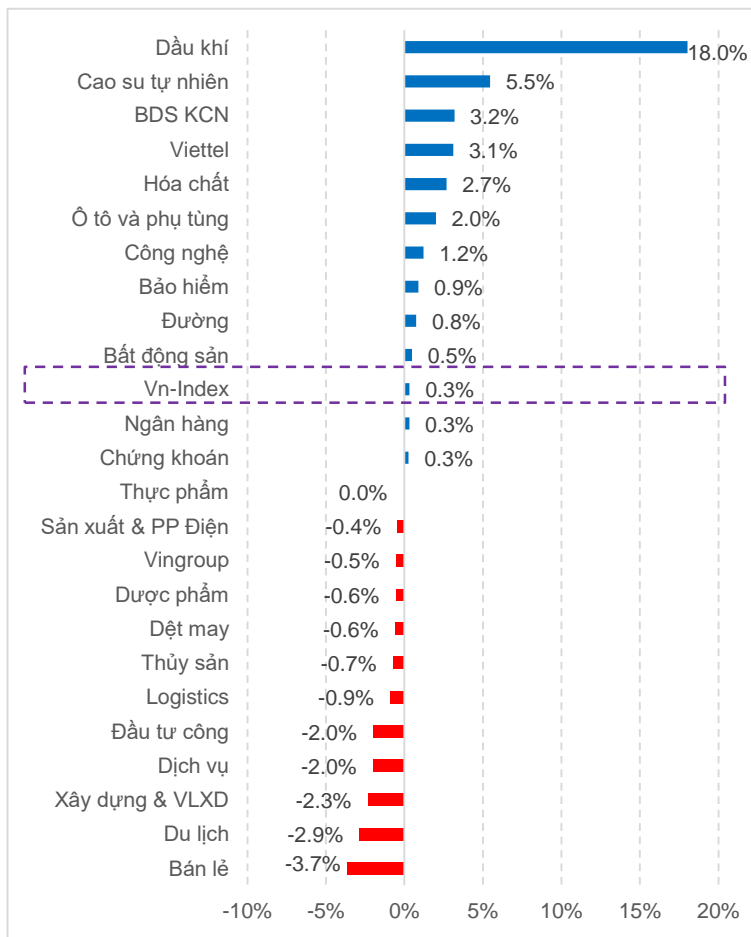
Hiệu suất nhóm cổ phiếu Dầu khí, Hóa Chất, Logistics

| STT | MCK | Giá đóng cửa (15/05) | KLTB 20 phiên (Nghìn CP) | So với đỉnh 1 năm (52 tuần,%) | 1 Tuần (%) | 1 Tháng (%) | Kể từ đầu năm (%) |
|-----|-----|----------------------|--------------------------|-------------------------------|------------|-------------|-------------------|
| 1 | GMD | 79.9 | 1,391 | -10.7 | -1.0 | 7.4 | 31.0 |
| 2 | PHP | 35.9 | 109 | -14.5 | -1.1 | 6.9 | 15.1 |
| 3 | DCM | 43.8 | 3,710 | -17.3 | 8.8 | -4.9 | 33.8 |
| 4 | BFC | 62.7 | 345 | -19.5 | -3.8 | 7.6 | 46.8 |
| 5 | HAH | 57.5 | 854 | -19.8 | 1.8 | 4.6 | -2.0 |
| 6 | BSR | 31.8 | 15,380 | -19.8 | 22.4 | 20.7 | 97.2 |
| 7 | DPM | 27.0 | 3,973 | -24.6 | 4.5 | -5.9 | 21.4 |
| 8 | PVD | 33.7 | 3,906 | -25.9 | 9.4 | 1.4 | 18.9 |
| 9 | PVT | 24.1 | 7,638 | -26.5 | 8.8 | 10.1 | 30.7 |
| 10 | PVS | 41.0 | 4,133 | -27.3 | 5.9 | 6.2 | 19.5 |
| 11 | LAS | 15.6 | 370 | -29.9 | 0.7 | -8.2 | -0.6 |
| 12 | GAS | 89.4 | 2,059 | -32.0 | 19.7 | 12.7 | 23.5 |
| 13 | CSV | 26.1 | 334 | -33.6 | -0.4 | -7.8 | -4.4 |
| 14 | OIL | 15.8 | 3,144 | -39.5 | 11.3 | 6.8 | 46.3 |
| 15 | PLX | 42.2 | 4,254 | -40.1 | 12.2 | 5.1 | 19.6 |
| 16 | VSC | 21.5 | 5,742 | -44.4 | -2.7 | -13.3 | 7.8 |
| 17 | DGC | 51.5 | 3,017 | -51.5 | -1.3 | -8.5 | -24.8 |

Nguồn: MBS Research

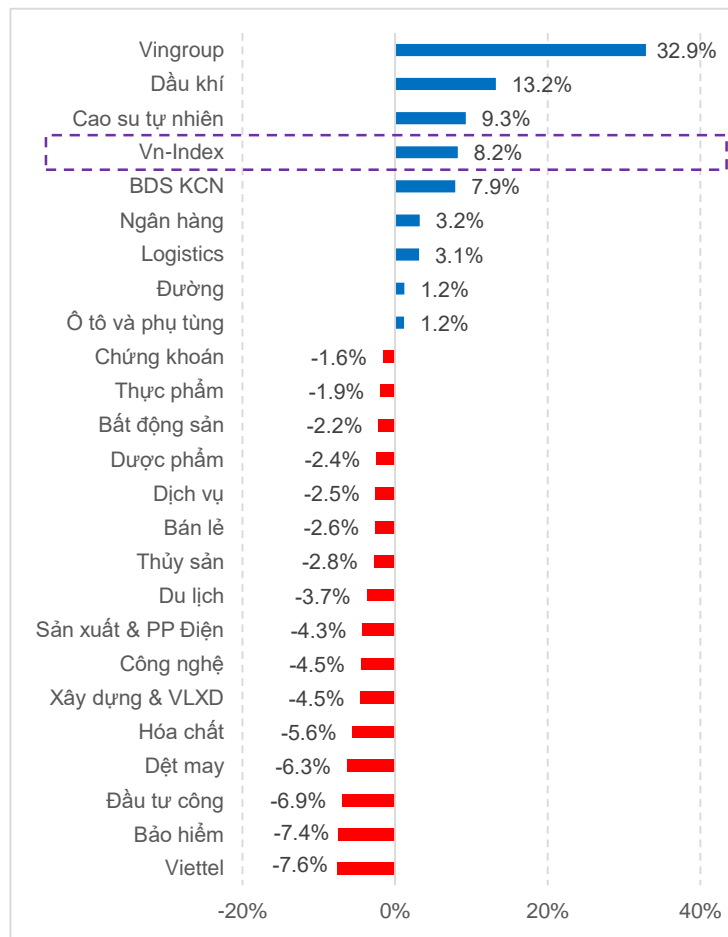
Hiệu suất các nhóm cổ phiếu (1 tuần, 1 tháng và từ đầu năm)

Hiệu suất sinh lời của các nhóm cổ phiếu (1 tuần)



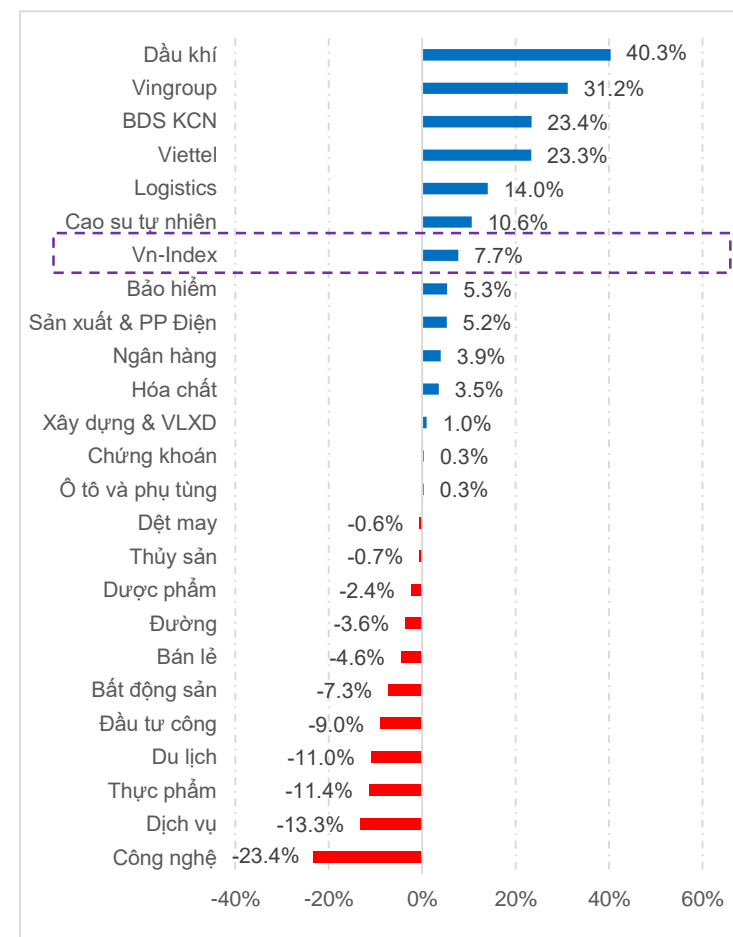
Nguồn: MBS Research

Hiệu suất sinh lời của các nhóm cổ phiếu (1 tháng)



Nguồn: MBS Research

Hiệu suất sinh lời của các nhóm cổ phiếu (YTD)



Nguồn: MBS Research

Hiệu suất của Top 30 cổ phiếu có thanh khoản bình quân 50 phiên lớn nhất thị trường

| STT | MCK | Giá đóng cửa (15/05) | 1 Tuần (%) | 1 Tháng (%) | Kể từ đầu năm (%) | Thanh khoản bình quân (Tỷ VND) |
|-----|---------|----------------------|------------|-------------|-------------------|--------------------------------|
| | VNINDEX | 1921.60 | 0.33 | 8.2 | 7.7 | |
| 1 | SHB | 13.90 | -2.5 | -8.0 | -13.8 | 1,002 |
| 2 | HPG | 26.55 | -2.9 | -5.3 | 2.4 | 998 |
| 3 | SSI | 27.90 | -1.4 | -2.8 | -7.8 | 895 |
| 4 | FPT | 72.90 | 1.4 | -4.3 | -23.9 | 806 |
| 5 | VHM | 158.00 | -3.7 | 22.6 | 27.4 | 778 |
| 6 | VIC | 228.00 | 0.9 | 37.8 | 34.4 | 719 |
| 7 | VIX | 18.75 | 0.8 | 3.3 | -1.3 | 670 |
| 8 | MWG | 82.00 | -3.1 | 0.5 | -7.2 | 607 |
| 9 | STB | 72.90 | -0.8 | 10.3 | 25.7 | 565 |
| 10 | BSR | 31.75 | 22.4 | 20.7 | 97.2 | 538 |
| 11 | MSN | 77.50 | -3.4 | -0.1 | 0.7 | 504 |
| 12 | VCB | 60.70 | 0.0 | 2.4 | 5.6 | 476 |
| 13 | MBB | 25.65 | -1.9 | -3.9 | 1.4 | 466 |
| 14 | VPB | 27.55 | 0.3 | 2.5 | -2.1 | 432 |
| 15 | NVL | 17.30 | 0.6 | 1.2 | 29.6 | 429 |

Nguồn: MBS Research

| STT | MCK | Giá đóng cửa (15/05) | 1 Tuần (%) | 1 Tháng (%) | Kể từ đầu năm (%) | Thanh khoản bình quân (Tỷ VND) |
|-----|-----|----------------------|------------|-------------|-------------------|--------------------------------|
| 16 | TCB | 34.05 | 0.6 | 6.2 | -2.4 | 427 |
| 17 | HDB | 27.55 | 0.7 | 5.6 | -7.2 | 354 |
| 18 | CII | 19.10 | 3.5 | -3.3 | -8.6 | 349 |
| 19 | HCM | 28.75 | 2.9 | 10.8 | 30.5 | 343 |
| 20 | BID | 42.95 | 1.3 | 6.3 | 10.4 | 336 |
| 21 | CTG | 35.80 | -1.1 | 2.6 | 0.1 | 317 |
| 22 | ACB | 23.30 | 2.0 | -2.9 | -2.9 | 310 |
| 23 | DGC | 51.50 | -1.3 | -8.5 | -24.8 | 306 |
| 24 | PVS | 41.00 | 5.9 | 6.2 | 19.5 | 298 |
| 25 | VCI | 25.60 | -1.4 | -8.4 | 0.0 | 298 |
| 26 | GEX | 34.90 | 4.2 | 23.3 | 16.1 | 297 |
| 27 | VNM | 59.80 | -1.8 | -3.6 | -2.3 | 290 |
| 28 | SHS | 17.70 | 1.7 | -2.2 | -14.1 | 282 |
| 29 | VCG | 21.60 | -2.0 | -5.5 | -4.4 | 270 |
| 30 | DXG | 16.05 | 3.9 | 4.6 | -6.1 | 267 |

Nguồn: FinX, MBS Research

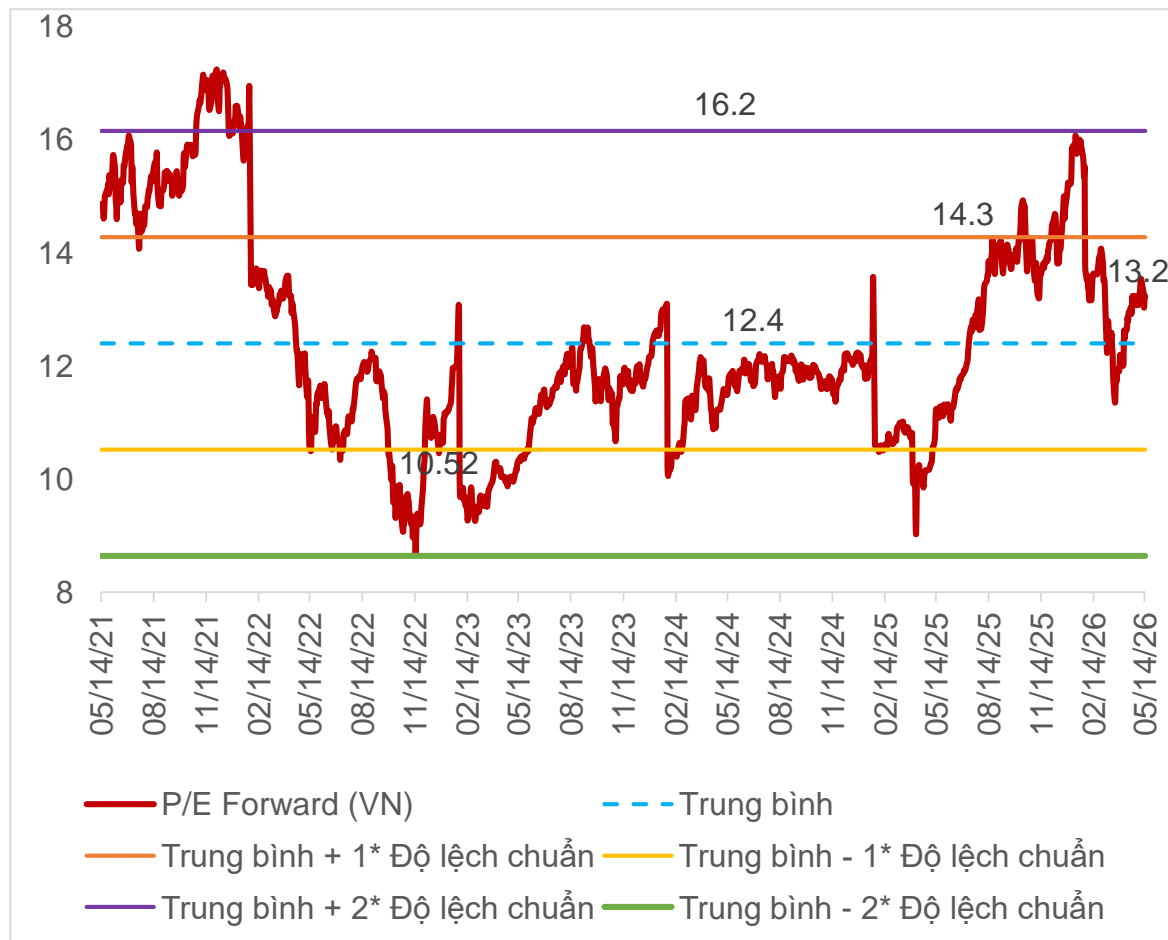
Sự thiếu đồng thuận giữa các nhóm ngành trong "vùng trung thông tin" là dấu hiệu cảnh báo điều chỉnh ngắn hạn do sự phân kỳ. Khi chỉ số được kéo bởi các trụ đơn lẻ để phục vụ mục đích điều tiết trong khi đa số cổ phiếu bị bán ròn, rủi ro một nhịp điều chỉnh kỹ thuật là tất yếu để đưa định giá về mức cân bằng



Nguồn: Tradingvies, MBS Research

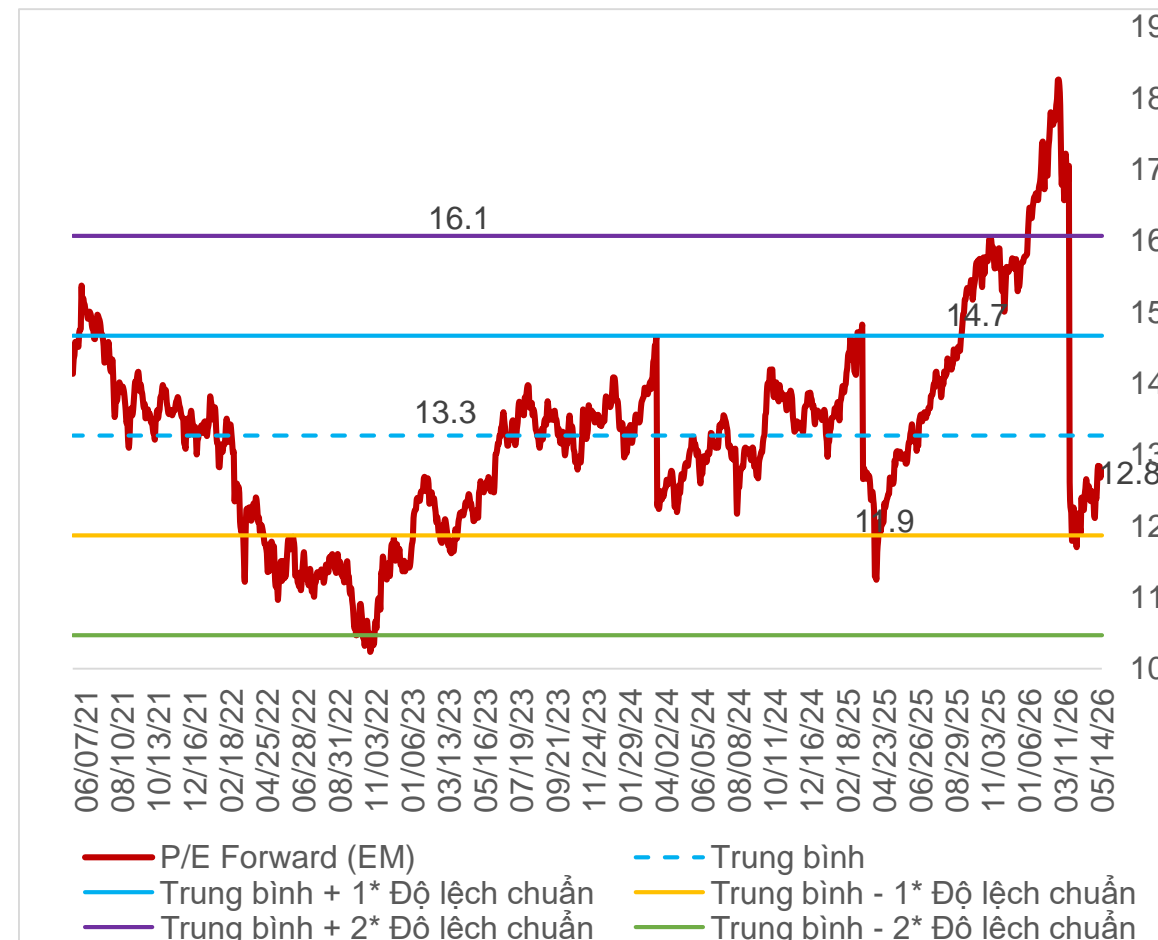
Định giá thị trường: Hệ số P/E dự phóng của thị trường Việt Nam và thị trường mới nổi trong vòng 5 năm qua (ttm, lần)

Hệ số P/E dự phóng (lần) trong vòng 5 năm qua của TTCKVN



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Hệ số P/E dự phóng (lần) trong vòng 5 năm qua của thị trường mới nổi (Emerging)



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Hiệu ứng “Sell in May” không hiệu quả đối với thị trường chứng khoán Việt Nam ở tháng 5 khi thị trường tăng 5/6 năm vừa qua, trong đó 3 năm vừa qua thị trường tăng liên tục

| | Jan | Feb | Mar | Apr | May | Jun | Jul | Aug | Sep | Oct | Nov | Dec |
|-----------|-------|-------|--------|--------|-------|-------|-------|-------|--------|--------|-------|-------|
| 10 Yr Avg | 1.90 | 2.01 | -.80 | -.64 | 2.62 | .57 | 1.74 | 3.89 | -.63 | -2.06 | 3.15 | 1.65 |
| 2026 | 2.50 | 2.80 | -10.95 | 10.73 | 3.64 | | | | | | | |
| 2025 | -.14 | 3.19 | .11 | -6.16 | 8.67 | 3.26 | 9.19 | 11.96 | -1.22 | -1.33 | 3.13 | 5.53 |
| 2024 | 3.04 | 7.59 | 2.50 | -5.81 | 4.32 | -1.30 | .50 | 2.59 | .32 | -1.82 | -1.11 | 1.31 |
| 2023 | 10.34 | -7.78 | 3.90 | -1.46 | 2.48 | 4.19 | 9.17 | .09 | -5.71 | -10.91 | 6.41 | 3.27 |
| 2022 | -1.29 | .76 | .14 | -8.40 | -5.42 | -7.36 | .73 | 6.15 | -11.59 | -9.20 | 1.99 | -3.94 |
| 2021 | -4.28 | 10.59 | 1.97 | 4.02 | 7.15 | 6.06 | -6.99 | 1.64 | .80 | 7.62 | 2.37 | 1.34 |
| 2020 | -2.54 | -5.81 | -24.90 | 16.09 | 12.40 | -4.55 | -3.24 | 10.43 | 2.67 | 2.24 | 8.39 | 10.05 |
| 2019 | 2.03 | 6.02 | 1.58 | -.11 | -2.02 | -1.04 | 4.39 | -.77 | 1.27 | .23 | -2.81 | -1.01 |
| 2018 | 12.81 | 1.01 | 4.72 | -10.58 | -7.52 | -1.08 | -.46 | 3.47 | 2.79 | -10.06 | 1.29 | -3.67 |
| 2017 | 4.87 | 1.94 | 1.62 | -.63 | 2.80 | 5.24 | .91 | -.10 | 2.77 | 4.08 | 13.45 | 3.61 |
| 2016 | -5.83 | 2.59 | .33 | 6.62 | 3.35 | 2.23 | 3.16 | 3.43 | 1.65 | -1.45 | -1.59 | -.03 |

Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Danh mục cổ phiếu tiêu biểu - Tháng 5 2026



| STT | Cổ phiếu | Vốn hóa (Tỷ VND) | Giá mục tiêu (VND) | Tiềm năng tăng giá | Tăng trưởng LN 2026 | P/E 2026 | P/B 2026 | Luận điểm đầu tư |
|-----|----------|------------------|--------------------|--------------------|---------------------|----------|----------|---|
| 1 | CTG | 270,290 | 54,500 | 56.0% | 19.4% | 6.6 | 1.3 | KQKD duy trì khả quan trong Q1/26. Có thể xuất hiện lợi nhuận đột biến từ việc thanh lý Vietinbank Tower. Định giá vẫn còn rẻ so với nhóm NH tương đương dù CLTS và hiệu quả sinh lời vượt trội. Nhu cầu gia tăng CAR hàm chứa các câu chuyện bán vốn trong tương lai. |
| 2 | VPB | 214,216 | 41,600 | 57.0% | 36.0% | 6.4 | 1.0 | LNTT Q1/26 tăng trưởng khả quan 58% svck và đạt 20% kế hoạch đề ra, với mức tăng trưởng tín dụng đạt 10%, gấp gần 3 lần so với tăng trưởng chung của hệ thống. LNTT cả năm được kỳ vọng tiếp tục được hỗ trợ bởi mức tăng trưởng tín dụng cao giúp bù đắp mức giảm NIM, tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động dịch vụ, thu nợ ngoại bảng và tiết giảm chi phí. P/B dự phóng năm 2026 ở mức 1.0, thấp hơn 21% so với P/B bình quân 3 năm trở lại đây, trong khi ROE và chất lượng tài sản kỳ vọng liên tục cải thiện trong giai đoạn 2026-2027. |
| 3 | FPT | 126,741 | 114,000 | 51.0% | 17.0% | 11.7 | 3.0 | KQKD Q1/26 vẫn đang thể hiện sự khó khăn của mảng CNTT nước ngoài với doanh thu ghi nhận thấp và biên LN có xu hướng thu hẹp. Ở mặt tích cực, tăng trưởng backlog vẫn duy trì tốt đạt 22% svck. Mặt khác, mảng CNTT trong nước ghi nhận sự cải thiện rõ rệt khi nhà máy AI Factory tại Việt Nam hoạt động hiệu quả, tỷ lệ lấp đầy cao ~70-80% và đã hòa vốn từ T12/2025. Mức giá hiện tại tương ứng P/E 2026-27 11.1x, thấp hơn nhiều so với mức trung bình 5 năm (20.6x) trong khi duy trì tăng trưởng kép LN ròng 17% trong 2026-27. Định giá hiện tại cơ bản đã phản ánh một phần các rủi ro doanh nghiệp gặp phải, theo đó, rủi ro giảm giá không lớn, chúng tôi đặc biệt đề cao yếu tố định giá của FPT trong bối cảnh thị trường biến động khó lường. |
| 4 | HPG | 212,994 | 35,600 | 28.0% | 48.8% | 9.3 | 1.5 | LN ròng trong Q1/26 tăng trưởng 170% svck nhờ mảng thép tăng trưởng 35% svck và khoản lãi gần 4,000 tỷ VNĐ từ thoái vốn KCN Phố Nối. Giá thép phục hồi ngay từ Q1/26 nhờ nhu cầu tiêu thụ tích cực và áp lực từ thép TQ hạ nhiệt. Mức định giá PE forward năm 2026 dự kiến 9.3 (thấp hơn mức 12.5 trong những chu kỳ tăng trưởng của ngành thép). P/B 2026 hiện tại khoảng 1.5 (thấp hơn khoảng 20% so với mức trung bình của chu kỳ tăng trưởng). |

Danh mục cổ phiếu tiêu biểu - Tháng 5 2026



| STT | Cổ phiếu | Vốn hóa (Tỷ VND) | Giá mục tiêu (VND) | Tiềm năng tăng giá | Tăng trưởng LN 2026 | P/E 2026 | P/B 2026 | Luận điểm đầu tư |
|-----|----------|------------------|--------------------|--------------------|---------------------|----------|----------|--|
| 5 | KBC | 32,020 | 39,700 | 17.0% | 8.0% | 14.3 | 1.2 | KBC được chấp thuận đầu tư nhiều dự án KCN và KĐT mới. KĐT Trảng Cát đạt được nhiều bước tiến quan trọng về pháp lý, đã hoàn thiện giấy phép đầu tư và tiền sử dụng đất. KBC đang san lấp và xây dựng cơ sở hạ tầng, dự kiến bán buôn 20 ha trong năm 2026-27. Đón đầu xu thế thu hút dòng vốn FDI vào lĩnh vực công nghệ cao, KBC mở rộng hợp tác với đối tác FDI mới, gần đây là dự án TT dữ liệu ứng dụng AI (SGI-HCM Campus) có vốn đầu tư khoảng 2 tỷ USD, dự kiến data center 12ha sẽ được đặt tại KCN Tân Phú Trung và hợp tác với CTP Invest Group triển khai 30 ha nhà xưởng tại KCN Trảng Duệ 3. Ngoài ra, KBC vẫn xúc tiến hợp tác với các đối tác công nghệ lớn như Luxshare, LG, Goertek,..... |
| 6 | MSN | 111,914 | 98,000 | 32.0 | 33.0% | 21.3 | 2.9 | Q1/26, tổng doanh thu thuần ghi nhận 24,020 tỷ đồng (+27% svck), trong đó mảng sản phẩm tiêu dùng/MML/Bán lẻ tiêu dùng/MSR lần lượt tăng trưởng 12%/20%/26%/115% svck, LN ròng ghi nhận 1,246 tỷ đồng (+216% svck), cao hơn 9% so với dự phóng MBS Research. Kết quả (LNST-pre MI 1,973 tỷ đồng) hoàn tất 27%/25% kế hoạch theo 2 kịch bản cơ sở và tích cực của MSN (theo tờ trình kế hoạch KD 2026 trong DHCD). Lưu ý, kế hoạch này chưa bao gồm yếu tố thay đổi kế hoạch LN của MSR. Năm 2026 ghi nhận sự tăng trưởng ổn định từ mảng MCH khi nhận được sự hỗ trợ đặc lực từ việc đẩy mạnh được sản phẩm tiêu thụ theo quy mô mở cửa hàng mới của WCM cùng hệ thống phân phối đã đi vào ổn định. Bên cạnh đấy, 2 mảng tiếp tục tăng trưởng vượt bậc là WCM (đến từ quy mô mở rộng cửa hàng) và MSR (hưởng lợi lớn từ căng thẳng địa chính trị, giúp cho giá bán tăng mạnh svck, trong bối cảnh sản lượng bán vẫn tốt). Tuy nhiên, mảng MML ước tính tăng trưởng 1 chữ số do biên LN gộp mảng heo thịt (heo chế biến) có thể ảnh hưởng trong năm nay do giá bán heo hơi không nhiều thuận lợi, giá TACN tăng cao. Cùng với thu nhập khả quan từ TCB, chúng tôi kỳ vọng LN ròng tăng trưởng 33% svck. |
| 7 | FOX | 59,705 | 93,000 | 19.0% | 14.0% | 15.3 | 4.7 | Đại hội cổ đông thể hiện quyết tâm tăng trưởng cao, doanh thu và LNTT lần lượt 12.8% và 16.9% svck, trong đó nhấn mạnh vai trò của Bộ Công An trong việc kiến thiết nhiều nguồn việc mới trong mảng Viễn Thông, Data Center, Camera an ninh. Doanh thu Q1/26 tăng 13% svck và LN ròng tăng 16% svck, tiếp tục cho thấy tốc độ tăng trưởng ổn định với động lực chính vẫn đến từ mảng kinh doanh băng rộng cố định & truyền hình. Trong năm nay doanh nghiệp tiếp tục mở rộng công suất mảng Data Center, hỗ trợ tăng trưởng mới trong bối cảnh tỷ lệ lấp đầy đã đạt mức cao. |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB (MBS)

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) với tên gọi tiền thân là Công ty CP chứng khoán Thăng Long, Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 6 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau nhiều năm phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam, liên tục đứng trong Top 10 thị phần tại cả hai Sở Giao dịch (Hồ Chí Minh và Hà Nội).

Địa chỉ:

Tòa nhà MB, 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội

Tel: + 8424 7304 5688 - Fax: +8424 3726 2601

Website: www.mbs.com.vn

KHỐI NGHIÊN CỨU CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB

Giám đốc Khối Nghiên cứu

Trần Thị Khánh Hiền

Trưởng phòng

Nguyễn Tiến Dũng